

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
- Tên viết tắt: DOWACO
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 48, Cách mạng tháng 8, P.Quyết Thắng, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại: (061) 3843 316 Fax: (061) 3847 149
- Website: www.dowaco.vn
- Mã chứng khoán: DNW
- Người được ủy quyền CBTT: **LÊ DUY DIỆP**
- Chức danh: Phó Giám đốc
- Loại thông tin công bố:

Định kỳ 24h Theo yêu cầu Khác

Nội dung công bố thông tin như sau:

Báo cáo thường niên năm 2016 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai (báo cáo đính kèm).

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 18/04/2017 tại đường dẫn <http://dowaco.vn/quan-he-co-dong.aspx>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng Công ty Sonadezi;
- TV.HĐQT Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT-TCHC.

VT Ân



Lê Duy Diệp



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2016



MỤC LỤC

01	THÔNG TIN CHUNG
19	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM
41	BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
53	BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
61	QUẢN TRỊ CÔNG TY
77	BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2016



THÔNG TIN CHUNG

- ❖ Thông tin khái quát
- ❖ Quá trình hình thành và phát triển
- ❖ Các thành tích đạt được
- ❖ Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- ❖ Thông tin mô hình quản trị, bộ máy quản lý
- ❖ Định hướng phát triển
- ❖ Các rủi ro



Số 48 Cách mạng tháng 8, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai



(061) 384 3316



(061) 384 7149

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai

Tên Tiếng Anh Dong Nai Water Joint Stock Company

Tên viết tắt DOWACO

Giấy CNĐKDN số 3600259296 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 29/12/2014

Vốn điều lệ 1.000.000.000.000 đồng (Một ngàn tỷ đồng)



www.dowaco.vn



capnuocdongnai@dowaco.vn



DNW



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Cơ quan viện trợ của chính phủ Úc tài trợ xây dựng thêm 1 cụm xử lý mới với công suất 15.000 m³/ngày. Tổng công suất là 16.500 m³/ngày.

Thành lập Xí nghiệp khai thác nước Xuân Lộc tách khỏi Công ty khoan cấp nước Đồng Nai và trực thuộc UBND huyện Xuân Lộc. Xí nghiệp xây dựng thêm 2 trạm bơm nước, công suất 3.300m³ /ngày.

Công ty cấp nước Đồng Nai mở rộng nhà máy nước Biên Hòa từ 22.000 m³/ngày lên 36.000 m³/ngày để tăng nguồn nước cung cấp cho các khu dân cư của thành phố Biên Hòa.

1928

1967

1977

1987

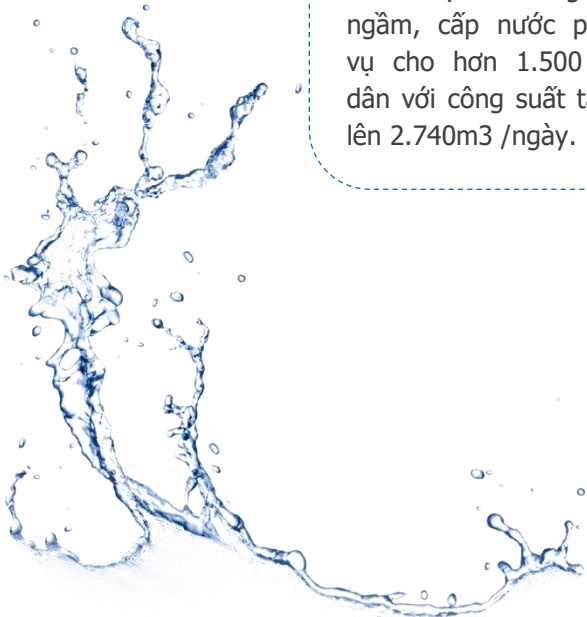
1990

1993

Nhà máy nước Biên Hòa do người Pháp thiết kế và xây dựng với công suất là 1.450 m³/ ngày.

Ban điện nước Long Khánh trực thuộc Công ty Công nghiệp Đồng Nai bàn giao cho Công ty khoan cấp nước Đồng Nai quản lý. Công ty khoan cấp nước Đồng Nai đã cải tạo nâng cấp thêm trạm bơm giếng ngầm, cấp nước phục vụ cho hơn 1.500 hộ dân với công suất tăng lên 2.740m³ /ngày.

Những tháng đầu năm 1990 cũng là giai đoạn khó khăn nhất, đối với Công ty khoan cấp nước Đồng Nai, do ảnh hưởng của cơ chế bao cấp. Trong điều kiện xã hội đang chuyển biến, nhưng Công ty chuyển đổi không kịp. Nội bộ Công ty hoạt động mất ổn định, tình hình cấp nước không đảm bảo yêu cầu của xã hội. UBND tỉnh Đồng Nai quyết định giải thể Công ty khoan cấp nước và thành lập mới Công ty cấp nước Đồng Nai vào tháng 4/1990.





Trong năm 2005, tổng công suất khai thác đạt 135.348 m³/ngày; số lượng khách hàng sử dụng nước đạt 57.736 hộ.

Huân chương lao động hạng II cho CB-CNV Công ty TNHH một thành viên Xây dựng Cấp nước Đồng Nai đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2001-2005 góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa Xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai (DOWACO) chính thức đi vào hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần vào ngày 01/01/2015 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 3600259296 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 29/12/2014.

Năm 2015, tổng công suất khai thác đạt 304.950 m³/ngày; số lượng khách hàng sử dụng nước đạt 167.465 hộ.



Năm 1996, Chủ tịch nước tặng thưởng huân chương lao động hạng III cho CB-CNV Công ty Xây dựng cấp nước Đồng Nai đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 1992 - 1996 góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai được cổ phần hóa từ Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Đồng Nai. UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 2744/QĐ-UBND ngày 05/09/2014 về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH một thành viên cấp nước Đồng Nai thành công ty cổ phần.

Đến năm 2014, tổng công suất khai thác đạt 293.615 m³/ngày; số lượng khách hàng sử dụng nước đạt 150.356 hộ.

Ngày 09/03/2016: Cổ phiếu công ty được chấp thuận đăng ký giao dịch trên UPCoM với mã chứng khoán DNW

Ngày 16/03/2016: Ngày giao dịch đầu tiên của DNW trên UPCoM với giá đóng cửa cuối phiên là 17,000 đồng/cổ phiếu.

Ngày 04/05/2016: Ký hợp đồng vay lại vốn vay ODA cho dự án xây dựng hệ thống cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn II với ngân hàng HDBank.

Đến năm 2016, tổng công suất khai thác đạt 308.101 m³/ngày; số lượng khách hàng sử dụng nước đạt 202.269 hộ.

CÁC THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

2015



STT	Quyết định	Hình thức	Cấp khen	Nội dung
1	Số 1336/QĐ-UBND ngày 09/05/2016	Bảng Khen	UBND tỉnh Đồng Nai	Công ty CP cấp nước Đồng Nai đạt thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước từ 2014 - 2015
		Cờ thi đua	UBND tỉnh Đồng Nai	Công ty CP cấp nước Đồng Nai đạt thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước năm 2015

2016



STT	Quyết định	Hình thức	Cấp khen	Nội dung
2	Số 3238/QĐ-UBND ngày 06/10/2016	Bảng khen	UBND tỉnh Đồng Nai	Công ty CP cấp nước Đồng Nai đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động SXKD từ năm 2013 - 2015 góp phần vào sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Đồng Nai
		Khánh vàng	UBND tỉnh Đồng Nai	Công ty CP cấp nước Đồng Nai đạt danh hiệu "Doanh nghiệp xuất sắc" tỉnh Đồng Nai lần thứ VI - 2016

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước: Khai thác, xử lý nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch.
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại: Sản xuất các sản phẩm cơ khí chuyên ngành nước.
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Kinh doanh khách sạn.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Kinh doanh vật tư thiết bị phụ kiện chuyên ngành nước.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan:
 - Tư vấn thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp.
 - Thiết kế công trình cấp nước; Thiết kế hệ thống cấp nước cho công trình; Dịch vụ hỗ trợ xây dựng; Dịch vụ tư vấn thiết kế khác.
 - Thiết kế công trình thoát nước. Khảo sát, giám sát thi công, thẩm tra các công trình cấp thoát nước.
 - Lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư. Giám sát thi công công trình dân dụng-công nghiệp. Lập hồ sơ mời thầu. Đánh giá hồ sơ dự thầu. Thẩm định thiết kế kỹ thuật. Quyết toán các dự án đầu tư.
 - Tư vấn quản lý dự án đầu tư. Thẩm định hồ sơ mời thầu và dự toán-tổng dự toán.
 - Thẩm định kết quả đấu thầu.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; Xây dựng nhà ở và cho thuê nhà; Cho thuê văn phòng; Kinh doanh bất động sản.
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng: Sản xuất nước tinh khiết đóng chai.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình công nghiệp.
- Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí: Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước.
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).
- Xây dựng công trình công ích: Xây dựng các công trình cấp thoát nước.
- Xây dựng nhà các loại: Xây dựng công trình dân dụng.
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Kiểm định đồng hồ đo nước từ 15 mm đến 100 mm (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).
- Điều hành tour du lịch (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định pháp luật).



Địa bàn kinh doanh

Công ty cấp nước Đồng Nai hiện đang sản xuất và cung cấp nước sạch, hoạt động xây dựng lắp đặt đường ống cấp nước trên địa bàn Thành phố Biên Hòa, rộng khắp các huyện thuộc tỉnh Đồng Nai và các khu vực lân cận.

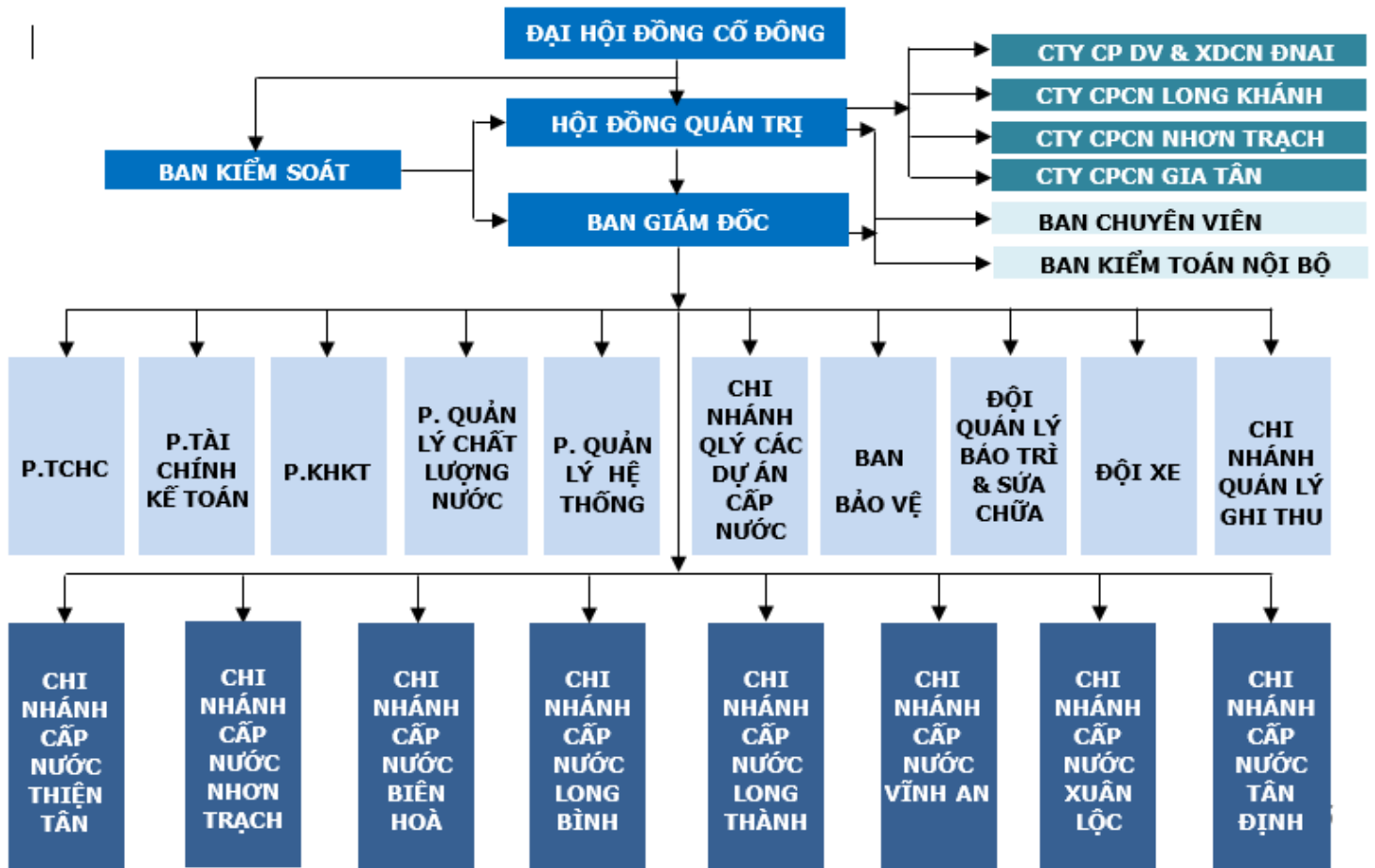
THÔNG TIN MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Mô hình quản trị

Ngày 05/09/2014, UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định số 2744/QĐ-UBND, phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH một thành viên cấp nước Đồng Nai thành Công ty cổ phần;

Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần từ ngày 01/01/2015, căn cứ theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 29/12/2014 và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông ngày 26/12/2014.





ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Đồng Nai nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có tốc độ phát triển kinh tế nhanh. Các trung tâm, thị trấn thị tứ, các đô thị và khu công nghiệp trong tỉnh ngày càng phát triển sẽ thúc đẩy ngành cấp nước phát triển theo để đáp ứng nhu cầu cấp nước cho sự phát triển đó. Căn cứ Quy hoạch cấp nước vùng tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050 được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt tại Quyết định số 204/QĐ-UBND ngày 21/01/2014. Do đó mục tiêu chủ yếu của Công ty là đầu tư các dự án cấp nước và phát triển khách hàng, Công ty sẽ tập trung phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh với các mục tiêu cụ thể:

- Đầu tư phát triển nguồn nước theo quy hoạch được duyệt từ các nguồn vốn vay ODA, vốn tự có, vốn vay thương mại, vốn vay ưu đãi, vốn huy động của khách hàng và vốn của các chủ đầu tư khác.
- Triển khai các dự án đầu tư hệ thống cấp nước để cung cấp cho các khu vực thị xã, thị trấn, khu vực dân cư tập trung để mở rộng phạm vi cung cấp nước và tăng đối tượng sử dụng nước sạch.
- Đầu tư nâng công suất các nhà máy nước bằng các hình thức mở rộng, cải tạo, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới.
- Có những giải pháp phát triển nguồn, mạng lưới cấp nước để đáp ứng nhu cầu phục vụ dân sinh và công nghiệp.

Các dự án phát triển nguồn:

Hệ thống cấp nước Thiện Tân giai đoạn 2, công suất 100.000m³/ngày.

Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn 2, công suất 100.000m³/ngày.

Dự án HTCN Vĩnh Cửu, công suất 15.000m³/ngày.

Các dự án phát triển mạng lưới cấp nước:

- Hệ thống cấp nước thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, công suất 2.000m³/ngày.
- Hệ thống cấp nước xã Long Hưng (giai đoạn 1) và Hệ thống cấp nước xã Long Hưng (giai đoạn 2).
- Hệ thống cấp nước thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu.
- Hệ thống cấp nước xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu.
- Dự án Hệ thống cấp nước xã Trị An - Vĩnh Tân.
- Đầu tư mở rộng, cải tạo hệ thống cấp nước, giảm tỷ lệ thất thoát nước xuống 10% vào năm 2020, nâng tỷ lệ dân cư đô thị được cấp nước sạch, hợp vệ sinh đạt 99% vào năm 2020.
- Thực hiện nâng cao trình độ quản lý hệ thống cấp nước, áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà máy nước, hệ thống phân phối, hệ thống quản lý khách hàng, áp dụng hình thức quản lý hệ thống chạy trên nền công nghệ Hệ thống thông tin địa lý (GIS).
- Quản lý tốt chất lượng vật tư, thiết bị, nguyên liệu, tài chính, nhân lực, áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý để tăng cường chất lượng dịch vụ đối với khách hàng, đơn giản hóa thủ tục hành chính.
- Tăng cường chức năng bảo trì, sửa chữa thiết bị trên mạng lưới khi áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý.
- Hỗ trợ các Công ty cổ phần có vốn góp của Công ty về mặt kỹ thuật, nguồn vốn, nhân lực để các Công ty cổ phần đảm đương tốt nhiệm vụ phát triển và cung cấp nước đảm bảo nhu cầu sử dụng nước của dân cư và khu công nghiệp trên địa bàn Tỉnh.
- Đẩy mạnh công tác cộng đồng, truyền thông từ thiện xã hội theo hướng trực tiếp thiết thực từng bước xây dựng thương hiệu Cấp nước Đồng Nai gắn liền với cộng đồng.

CÁC RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới, năm 2016, nền kinh tế Việt Nam còn chịu nhiều rủi ro và áp lực từ nhiều yếu tố. Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2016 tăng 6,21% so với năm 2015 và không đạt được mức kế hoạch 6,7% đặt ra đầu năm. Tiến trình tái cơ cấu chậm chạp trong nước gây ra nhiều rủi ro đáng kể đối với viễn cảnh tăng trưởng trung hạn. Sự ổn định và phát triển của nền kinh tế trong nước là điều kiện quan trọng để đảm bảo các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp diễn ra thuận lợi.

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cấp nước, các yếu tố kinh tế vĩ mô không tác động quá lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch sinh hoạt của doanh nghiệp do nước được xếp vào dạng hàng hóa sinh hoạt thiết yếu, gắn liền với quá trình phát triển đất nước và luôn nằm trong danh mục khuyến khích phát triển của Chính phủ. Tuy nhiên, các yếu tố kinh tế vĩ mô lại có tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các khu công nghiệp và các doanh nghiệp sản xuất, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn doanh thu chiếm tỷ trọng lớn của Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai. Vì thế, việc thường xuyên theo dõi và nắm bắt diễn biến tình hình kinh tế là điều bắt buộc đối với doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp ngành cấp nước nói riêng.

Rủi ro nguyên liệu đầu vào

Nguồn nguyên liệu đầu vào của Công ty chủ yếu là nguồn nước mặt, nước ngầm tự nhiên. Nguồn nước thô nguyên liệu đầu vào để sản xuất nước sạch được khai thác chủ yếu từ Sông Đồng Nai, hồ Trị An, Gia Ui... Nguồn nước sông phụ thuộc vào thượng nguồn, do đó có thể gặp rủi ro từ điều kiện tự nhiên của nguồn nước bị thay đổi. Sự thay đổi về chất lượng và lưu lượng nước thô ảnh hưởng đến quá trình xử lý nước của Công ty. Nước sông có nguy cơ nhiễm mặn cao tác động rất lớn đến nguồn nguyên liệu đầu vào phục vụ cho hoạt động sản xuất. Tốc độ đô thị hóa nhanh kéo theo nhu cầu sử dụng nước sạch của người dân ngày càng gia tăng, trong khi bề mặt đất ngày càng bê tông hóa, làm thu hẹp diện tích bổ sung nước từ nguồn nước mưa cho mạch nước dưới đất, giảm khả năng tái tạo nguồn nước ngầm bị khai thác. Ngoài ra tình trạng ô nhiễm nước do hoạt động nông nghiệp và công nghiệp cũng đang tạo ra thách thức không nhỏ cho Công ty trong việc xử lý nước thô để đảm bảo có nguồn nước sạch cung cấp.

Rủi ro do tỷ lệ thất thoát nước cao

Đối với các doanh nghiệp ngành cấp nước, tỷ lệ thất thoát nước luôn là yếu tố được quan tâm hàng đầu. Nước rò rỉ được phân theo hai dạng chính là loại dễ thấy (nước tràn trên mặt đất) và loại khó thấy (nước chảy ngầm dưới lòng đất, chảy vào hệ thống cống thoát nước, đường ống nước có đoạn đi qua cầu, qua suối...) nên việc kiểm soát thất thoát rất khó khăn. So sánh với các nước trong cùng khu vực, tỷ lệ thất thoát nước tại Việt Nam luôn nằm trong nhóm cao, gây lãng phí lớn. Nguyên nhân thất thoát nước lớn là do hệ thống đường ống cấp nước ở nhiều đô thị quá cũ, có nhiều tuyến ống trên 30 năm sử dụng, bị rò rỉ nước ở mức cao và có cả sự gian lận trong sử dụng nước. Bên cạnh đó, một bộ phận người dân còn thiếu ý thức chấp hành quy định như gian lận... khi sử dụng nước dẫn đến nguồn nước sạch bị thất thoát trầm trọng. Tỷ lệ thất thoát nước cao gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như lãng phí nguồn tài nguyên thiên nhiên quốc gia..

Rủi ro về giá cả

Theo phân tích của Dowaco, trong điều kiện kinh doanh với phương án giá do Nhà nước phê duyệt, nếu không kiểm soát được tỷ lệ thất thoát nước khi chi phí nhân công, tiền lương, vật tư điện, hóa chất và chi phí vận hành sản xuất nước tăng cao mà giá nước chưa được điều chỉnh tăng lên thì rất khó đạt được hiệu quả. Bên cạnh đó, nguồn doanh thu từ cung cấp nước sạch sinh hoạt tuy mang tính ổn định nhưng giá nước sinh hoạt với 10 m³ đầu cho một hộ sử dụng có giá thấp hơn giá thành, nếu đối tượng khác sử dụng nước ít sẽ ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

CÁC RỦI RO

Rủi ro luật pháp

Tuân thủ quy định pháp luật là một trong những tiêu chí hàng đầu, là kim chỉ nam trong việc định hướng hoạt động của Công ty. Với những đặc thù của Công ty cổ phần hoạt động trong ngành cấp thoát nước, những hoạt động của Công ty đều chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật thuế, Luật Tài nguyên nước, Luật bảo vệ môi trường, v.v... cùng với các quy định, tiêu chuẩn về an toàn và chất lượng nguồn nước. Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau như Luật Doanh nghiệp, Luật Bảo vệ Môi trường, Luật Tài Nguyên nước... Hệ thống Luật và các văn bản dưới luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về chính sách có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, có thể thấy mặt tích cực từ những thay đổi này tạo ra hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và khoa học, phù hợp với hệ thống pháp luật và thông lệ Quốc tế, tạo điều kiện thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài và cũng như giúp cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước tiến hành thuận lợi hơn.

Rủi ro khác

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng chịu các rủi ro liên quan đến biến động tình hình chính trị, xã hội, chiến tranh, bệnh dịch... làm ảnh hưởng đến mức độ ổn định của thị trường và khách hàng. Các rủi ro này có thể tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, Công ty cũng luôn chú trọng đề phòng, xây dựng các giải pháp ứng phó đối với các rủi ro bất khả kháng khác trong hoạt động (thiên tai, hỏa hoạn...) nhằm giảm thiểu thiệt hại, giữ an toàn về người, tài sản và hoạt động cho Công ty.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



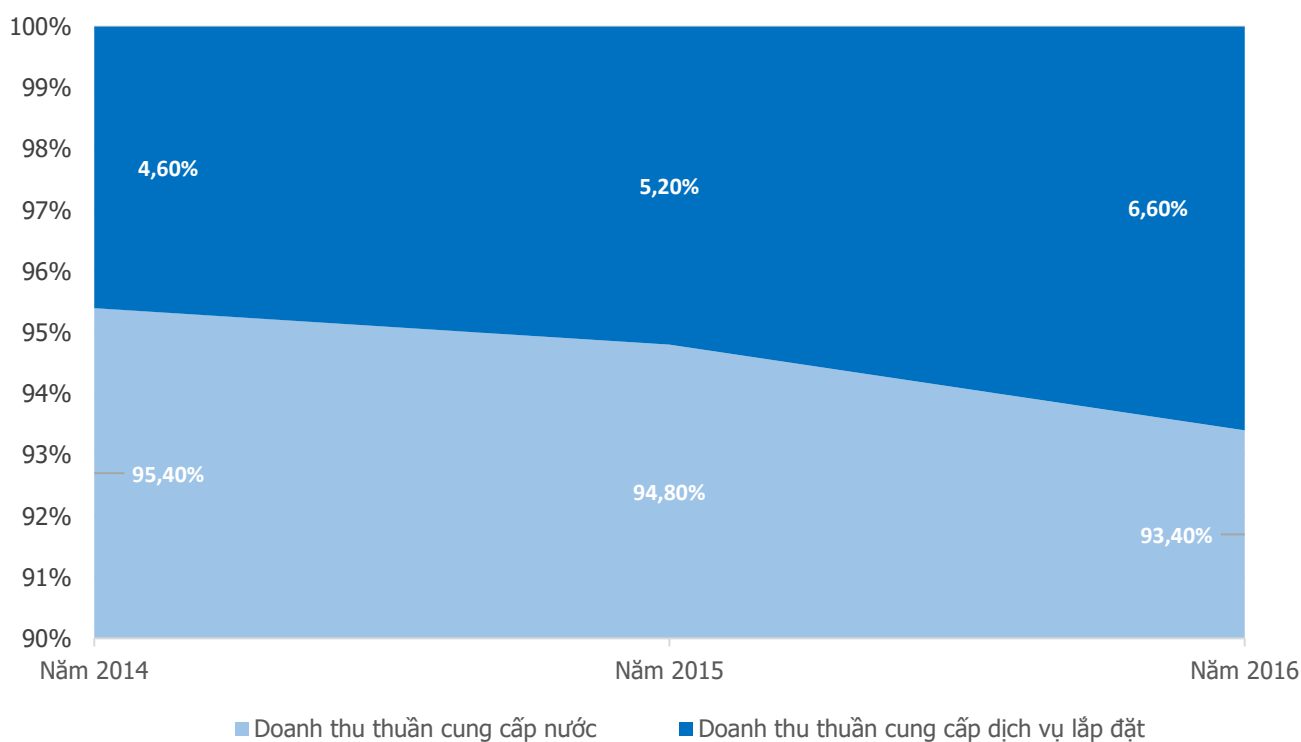
- ❖ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- ❖ Tổ chức và nhân sự
- ❖ Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
- ❖ Tình hình tài chính
- ❖ Cơ cấu cổ đông
- ❖ Báo cáo phát triển bền vững

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Cơ cấu doanh thu thuần

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu thuần cung cấp nước	532.399	95,4%	675.080	94,8%	752.876	93,4%
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ lắp đặt	25.459	4,6%	37.293	5,2%	52.815	6,6%
Tổng cộng	557.857		712.373		805.691	

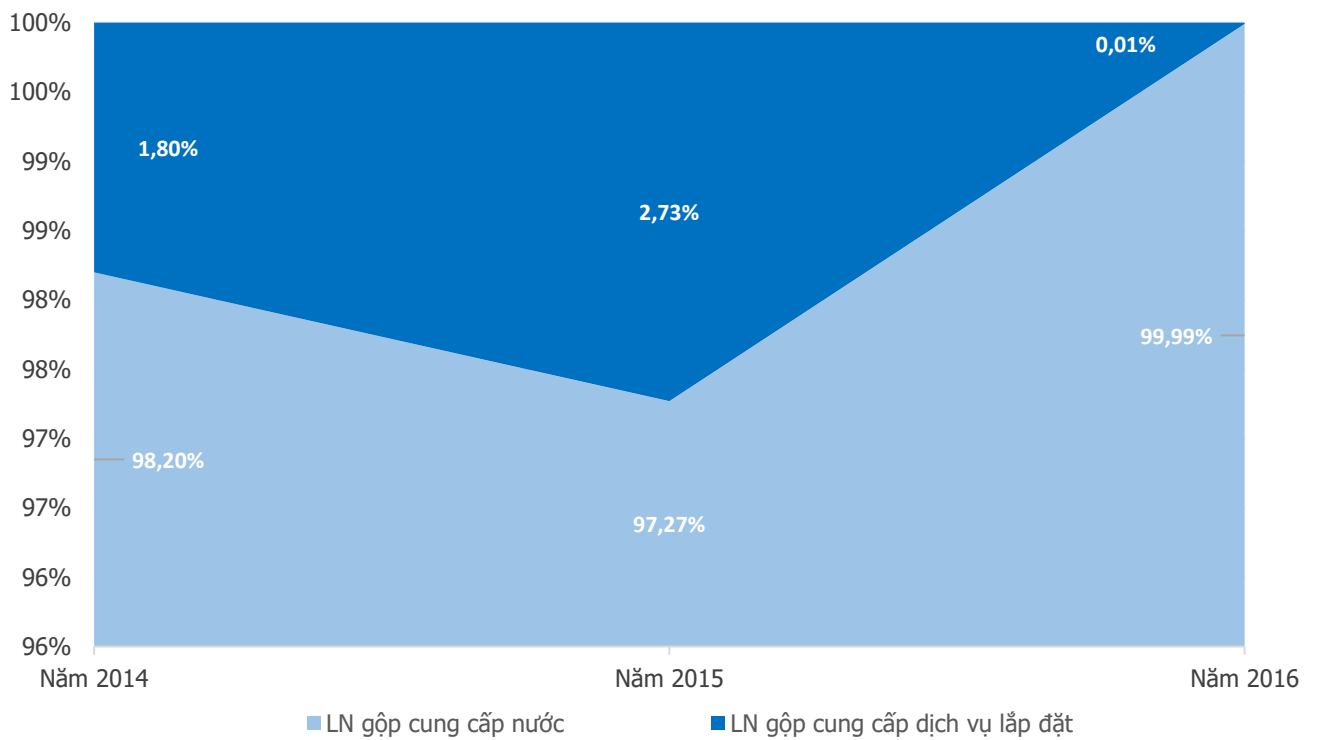




Cơ cấu lợi nhuận gộp

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
LN gộp cung cấp nước	130.647	98,2%	223.274	97,27%	273.034	99,99%
LN gộp cung cấp dịch vụ lắp đặt	2.401	1,8%	6.275	2,73%	23	0,01%
Tổng cộng	133.048		229.549		273.057	



Các chỉ tiêu cơ bản thực hiện của các Công ty con và Công ty liên kết

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Công ty cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch			Công ty cổ phần Cấp nước Long Khánh			Công ty cổ phần DV và XD Cấp nước Đồng Nai		
			KH 2016	TH 2016	Tỷ lệ %	KH 2016	TH 2016	Tỷ lệ %	KH 2016	TH 2016	Tỷ lệ %
1	Sản lượng nước										
a	Sản lượng nước sản xuất	1000 m³	12.854	13.715	107	3.550	3.875	109	4.466	4.789	107
	- Nước sạch sản xuất	"	5.060	5.871	116	3.550	3.874	109	3.992	4.256	107
	- Nước thô	"							474	533	112
	- Nước mua qua đồng hồ	"	7.794	7.844	101						
b	Sản lượng ghi thu	1000 m³	11.954	12.899	108	2.840	3.113	110	4.293	4.367	102
	- Nước ghi thu sản xuất	"	4.643	5.423	117	2.840	3.113	110	3.833	3.850	100
	- Nước ghi thu nước thô	"							460	517	112
	- Nước ghi thu qua mua đồng hồ	"	7.311	7.476	102						
2	Tỉ lệ thất thoát	%	8,00	5,9	-2,1	20,0	19,6	-0,4	3,9	8,8	4,9
a	Sản xuất nước sạch	"	8,2	7,6	-0,6				4,0	9,5	5,5
b	Sản xuất nước thô	"							3,0	3,0	0,0
c	Mua qua đồng hồ	"	6,2	4,7	-1,5						
3	Doanh thu	Tr/đồng	125.565	136.346	109	29.188	33.670	115	79.490	107.628	135
a	Sản xuất nước máy	"	119.065	129.163	108	23.288	26.187	112	24.490	27.344	111,6
	- Sản xuất nước sạch	"	46.247	52.259	113	23.288	26.187		22.420	25.018	112
	- Sản xuất nước thô	"							2.070	2.326	112
	- Mua qua đồng hồ	"	72.818	76.904	106						
b	Xây lắp	"	3.500	2.130	61	5.000	6.204	124	55.000	79.951	145
c	Doanh thu nước đóng chai, doanh thu khác	"		235		700	962	137			
d	Doanh thu hoạt động tài chính	"	3.000	4.818	160	200	317	159		333	
4	HIỆU QUẢ SXKD	"	19.273	23.923	124	6.557	8.102	124	5.500	13.905	252,8
5	CC KHOẢN NỘP NS	"	7.662	7.994	104	3.500	5.131	147	5.000	8.973	179
6	THU NHẬP BÌNH QUÂN	"	7,3	9,95	136	7,5	8,6	115	8,3	10,6	128

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách ban điều hành

Ông Phan Hùng	Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Thịnh	Phó giám đốc
Ông Nguyễn Văn Bình	Phó giám đốc
Ông Lê Duy Diệp	Phó giám đốc
Bà Nguyễn Thu Oanh	Kế toán trưởng

Sơ yếu lý lịch ban điều hành

Ông Phan Hùng – Giám đốc

Năm sinh 1959

Trình độ chuyên môn Cử nhân tài chính

Quá trình công tác:

- 04/2004 – 03/2014: Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty, Giám đốc BQL các dự án cấp nước Đồng Nai - Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai
- 04/2014 – 12/2014: Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai
- 01/2015 – nay: Thành viên HĐQT, Giám đốc CTCP Cấp nước Đồng Nai

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 15.035.200 (15,04%)

Đại diện nắm giữ: 15.000.000 cổ phần (15%)

Sở hữu cá nhân: 35.200 cổ phần (0,04%)

Ông Nguyễn Xuân Thịnh – Phó Giám đốc

Năm sinh 1959

1959

Trình độ chuyên môn Kỹ sư Điện công nghiệp, Kỹ sư CNTT

Cử nhân tài chính

Quá trình công tác:

- 2004 – 04/2014: Phó Giám đốc Công ty, Phó Giám đốc Chi nhánh quản lý các dự án cấp nước Đồng Nai Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai
- 2008 – 2012: Chủ tịch HĐQT CTCP Cấp nước Nhơn Trạch
- 05/2014 – 12/2014: Phó Giám đốc Công ty, Giám đốc Chi nhánh quản lý các dự án cấp nước Đồng Nai - Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai
- 01/2015 – nay: Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc CTCP Cấp nước Đồng Nai

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 10.005.200 cổ phần (10,01%)

Đại diện nắm giữ: 10.000.000 cổ phần (10%)

Sở hữu cá nhân: 5.200 cổ phần (0,01%)

Ông Nguyễn Văn Bình – Phó Giám đốc

Năm sinh 1960

Trình độ chuyên môn Cử nhân kinh tế, Kỹ sư cấp thoát nước

Quá trình công tác:

- 07/2005 – 03/2014: Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai
- 04/2008 – nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Cấp nước Long Khánh
- 04/2014 – 12/2014: Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai
- 01/2015 – nay: Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc CTCP Cấp nước Đồng Nai

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 10.035.700 cổ phần (10,04%)

Đại diện nắm giữ: 10.000.000 cổ phần (10%)

Sở hữu cá nhân: 35.700 cổ phần (0,04%)

Ông Lê Duy Diệp - Phó Giám đốc**Năm sinh** 1959**Trình độ chuyên môn** Cử nhân Kế toán tổng hợp**Quá trình công tác:**

- 04/2004 – 03/2014: Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai
- 04/2014 – 12/2014: Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai
- 01/2015 – nay: Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc CTCP Cấp nước Đồng Nai

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 10.005.500 (10,01%)

Đại diện nắm giữ: 10.000.000 cổ phần (10%)

Sở hữu cá nhân: 5.500 cổ phần (0,01%)

Bà Nguyễn Thu Oanh – Kế toán trưởng**Năm sinh** 1969**Trình độ chuyên môn** Cử nhân Tài chính kế toán**Quá trình công tác:**

- 02/2001 – 03/2014: PP. TCKT Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai
- 04/2014 – 12/2014: Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai
- 01/2015 – nay: Kế toán trưởng CTCP Cấp nước Đồng Nai

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 28.800 cổ phần (0,03%)**Đại diện nắm giữ:** 0 cổ phần**Sở hữu cá nhân:** 28.800 cổ phần (0,03%)

Thay đổi nhân sự Ban điều hành: Không có

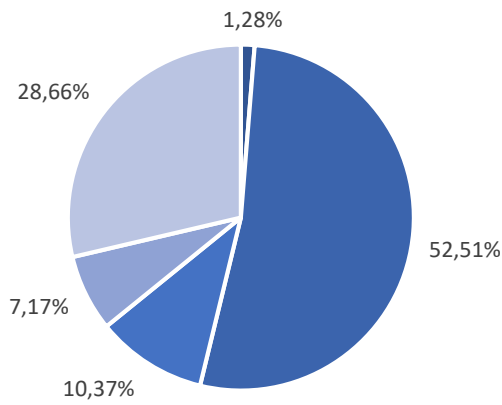
Số lượng cán bộ nhân viên năm 2016

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ lao động	935	100,00%
1	Trình độ trên đại học	12	1,28%
2	Trình độ đại học, cao đẳng	491	52,51%
3	Trình độ trung cấp	97	10,37%
4	Công nhân kỹ thuật	67	7,17%
5	Lao động phổ thông	268	28,66%
II	Theo loại Hợp đồng lao động	935	100,00%
1	Hợp đồng không thời hạn	727	77,75%
2	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	201	21,50%
3	Không ký Hợp đồng lao động	7	0,75%
III	Theo giới tính	935	100,00%
1	Nam	635	67,91%
2	Nữ	300	32,09%

Thu nhập bình quân người lao động

STT	Năm	Tổng số lượng người lao động (người)	Thu nhập b/q (đồng/người/tháng)
1	2013	757	9.300.000
2	2014	873	9.500.000
3	2015	927	9.700.000
4	2016	935	10.200.000

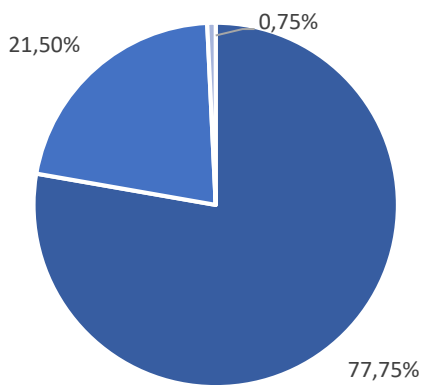
Theo trình độ lao động



- Trình độ trên đại học
- Trình độ đại học, cao đẳng
- Trình độ trung cấp
- Công nhân kỹ thuật
- Lao động phổ thông



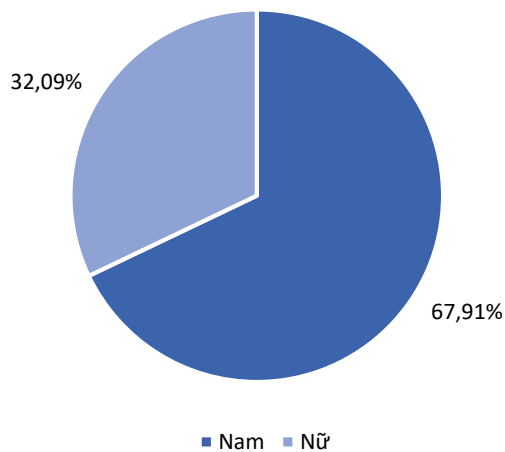
Theo loại hợp đồng lao động



- Hợp đồng không thời hạn
- Hợp đồng xác định từ 1-3 năm
- Không ký Hợp đồng lao động



Theo giới tính



- Nam
- Nữ



Chính sách đối với người lao động

Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: Bộ phận gián tiếp làm việc theo giờ hành chính, bộ phận sản xuất trực tiếp làm việc theo ca. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước và đãi ngộ thoả đáng cho người lao động.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết: Nhân viên được nghỉ lễ và Tết theo quy định của Bộ Luật Lao động và được hưởng nguyên lương và bảo hiểm xã hội. Những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra, cứ 05 năm làm việc tại Công ty nhân viên lại được cộng thêm 01 ngày phép.

Nghỉ ốm, thai sản: Nhân viên Công ty được nghỉ ốm theo quy định của luật BHXH và được hưởng lương và bảo hiểm xã hội theo quy định. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định, còn được hưởng thêm các tháng lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Tuyển dụng

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản, cán bộ quản lý phải tốt nghiệp đại học chuyên ngành, nhiệt tình, ham học hỏi, yêu thích công việc, chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe, với các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và trình độ ngoại ngữ, tin học.

Chính sách thu hút nhân tài: Công ty có chính sách lương, thưởng đặc biệt đối với các nhân viên giỏi và nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân nhân viên lâu dài, mặt khác để thu hút nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.

Đào tạo

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là trình độ chuyên môn nghiệp vụ và hệ thống quản lý chất lượng. Việc đào tạo được tiến hành nội bộ và đào tạo bên ngoài. Các chương trình đào tạo chú trọng vào nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật và nhận thức của cán bộ công nhân viên về quản lý SXKD, an toàn lao động và an toàn vệ sinh khi sản xuất nước,...từ đó nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm đầu ra.

Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ cũng được chú trọng về chiều sâu. Nâng cao năng lực cán bộ quản lý, thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, Phát triển nguồn nhân lực tại chỗ, bồi dưỡng, quy hoạch cán bộ trẻ, cán bộ có năng lực, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kế cận.



Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Chính sách lương

Công ty thực hiện phân phối lương theo tính chất và trách nhiệm của người lao động, Quỹ tiền lương được phân phối trực tiếp cho người lao động, không sử dụng vào mục đích khác. Trường hợp người lao động làm thêm giờ hoặc làm đêm, Công ty thực hiện việc chi trả phụ cấp làm đêm và lương ngoài giờ theo đúng quy định của Bộ luật Lao động đã ban hành.

Công ty xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người. Cán bộ công nhân viên thuộc khối văn phòng và gián tiếp được hưởng lương thời gian, công nhân sản xuất trực tiếp được hưởng lương theo cấp bậc và tay nghề.

Chính sách khen thưởng

Hàng tháng, người lao động được đánh giá, phân loại để làm cơ sở cho việc trả lương và khen thưởng cho người lao động vào cuối năm. Ngoài ra, Công ty thưởng cho người lao động nhân dịp các ngày Lễ lớn như: Tết nguyên đán, Tết Dương lịch, Lễ 30/04 và Quốc tế lao động 01/05, Lễ Quốc khánh 2/9.

Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng hàng kỳ, hàng năm, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể.



Bảo hiểm và phúc lợi

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho tất cả những người lao động thuộc diện bắt buộc phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Ngoài ra, Công ty còn tham gia bảo hiểm tai nạn cho người lao động. Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.

Chính sách ưu đãi cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên

Nhằm tạo sự gắn bó lâu dài của nhân viên với Công ty và tạo động lực khuyến khích cho cán bộ công nhân viên làm việc, Công ty thực hiện chính sách ưu đãi cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên dưới hai hình thức: được mua cổ phiếu giảm giá theo thâm niên công tác và mua cổ phiếu với giá ưu đãi so với giá thị trường theo cam kết làm việc lâu dài tại Công ty.

Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên

Công đoàn và Đoàn Thanh niên Công ty hoạt động khá hiệu quả, các phong trào thể dục thể thao, văn nghệ của công nhân viên diễn ra hàng năm rất sôi nổi, tạo điều kiện cho công nhân viên Công ty được nâng cao đời sống tinh thần và rèn luyện sức khoẻ. Ngoài ra hàng năm cán bộ công nhân viên Công ty còn được tổ chức đi nghỉ mát theo chế độ.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Đầu tư tài chính Đầu tư góp vốn để thành lập Công ty cổ phần cấp nước Gia Tân sẽ thực hiện trong năm 2017.

Đầu tư dự án

Hiện nay Công ty đang thực hiện rất nhiều các dự án phát triển nguồn như xây dựng nâng công suất các nhà máy xử lý nước và các dự án phát triển mạng lưới cấp nước các phường, các huyện trong tỉnh Đồng Nai. Một số dự án trọng điểm của Công ty như sau:

❖ Dự án HTCN Thiên Tân (giai đoạn 2)

Mục đích dự án:

Đầu tư xây dựng mở rộng hệ thống cấp nước Thiên Tân hiện hữu nhằm đáp ứng được nhu cầu dùng nước sinh hoạt, dịch vụ công cộng và các khu công nghiệp tập trung tại xã Thạnh Phú (huyện Vĩnh Cửu), TP. Biên Hòa và huyện Trảng Bom.

Quy mô, công suất:

Đầu tư mở rộng nhà máy nước Thiên Tân (giai đoạn 2) công suất từ 100.000m³/ngày lên 200.000m³/ngày.

Thời gian thực hiện dự án: 2008 - 2018

Tình hình thực hiện dự án:

- Công trình khởi công vào ngày 25/6/2015, thời gian thi công: 30 tháng (từ tháng 5/2015 đến tháng 12/2017).
- Hiện nay nhà thầu đang thi công đồng loạt các hạng mục công trình tại nhà máy xử lý nước, trạm bơm tăng áp và tuyến ống dưới sự giám sát của Công ty tư vấn Dohwa – Hàn Quốc. Tiến độ thực hiện công trình đạt trên 80%.

Quy mô đầu tư:

Đầu tư xây dựng mở rộng hệ thống cấp nước Thiên Tân hiện hữu 100.000m³/ngày lên 200.000m³/ngày nhằm đáp ứng nhu cầu dùng nước sinh hoạt, dịch vụ công cộng và các KCN tại xã Thạnh Phú (huyện Vĩnh Cửu), TP. Biên Hòa và huyện Trảng Bom.

Dòng tiền thu về dự án: Dự án đang triển khai thực hiện

Tỷ lệ góp vốn của Công ty: DOWACO làm chủ đầu tư, dự án được vay vốn ODA, vốn tự có và vay trong nước.

- 67% vốn vay ODA Chính phủ Hàn Quốc
- 33% vốn đối ứng

❖ Dự án HTCN Nhơn Trạch (giai đoạn 2)**Mục đích dự án:**

Đáp ứng nhu cầu sử dụng nước cho sản xuất, sinh hoạt của các khu công nghiệp, khu dân cư từ thành phố Biên Hòa đến các đô thị và khu công nghiệp thuộc các huyện Long Thành và Nhơn Trạch.

Quy mô, công suất:

Công suất hệ thống cấp nước Nhơn Trạch (giai đoạn 2) 100.000m³/ngày. Nâng công suất hiện hữu từ 100.000m³/ngày lên 200.000m³/ngày.

Thời gian thực hiện: 2015 - 2021

Tình hình thực hiện dự án:

- Hạng mục Nhà quản lý điều hành – Dự án HTCN Nhơn Trạch (giai đoạn 2). Công trình đã hoàn thành, nghiệm thu, đưa vào sử dụng trong tháng 8/2016 và đã hoàn chỉnh hồ sơ hoàn công thanh quyết toán công trình vào ngày 30/12/2016.
- Hiện nay Liên danh Nhà thầu Tư vẫn đang tiếp tục thực hiện một số công việc như huy động nhân sự, rà soát thiết kế cơ sở, thực hiện công tác khảo sát thiết kế các hạng mục còn lại.

Quy mô đầu tư:

Đầu tư xây dựng mới hoàn toàn hệ thống cấp nước có công suất 100.000m³/ngày với các hạng mục sau: trạm bơm nước thô, tuyến ống nước thô, nhà máy xử lý, các tuyến ống chuyển tải nước sạch, các trạm bơm tăng áp để đáp ứng nhu cầu sử dụng nước cho sản xuất, sinh hoạt của các khu công nghiệp, khu dân cư từ thành phố Biên Hòa đến các đô thị và khu công nghiệp thuộc các huyện Long Thành và Nhơn Trạch.

Dòng tiền thu về dự án: Dự án đang thực hiện

Tỷ lệ góp vốn của Công ty: DOWACO làm chủ đầu tư, dự án được vay vốn ODA, vốn tự có và vay trong nước

- 85% vay ODA Nhật Bản
- 15% vốn đối ứng

- ❖ Dự án Hệ thống cấp nước huyện Vĩnh Cửu, công suất 15.000m³/ngày:

Mục tiêu chính của dự án:

Đáp ứng nhu cầu sử dụng nước cho sinh hoạt, dịch vụ, sản xuất, và các hoạt động khác thuộc khu vực các xã Thạnh Phú, Thiện Tân, Bình Hòa, Tân Bình và Bình Lợi của huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Quy mô: Công suất 15.000m³/ngày.

Tiến độ thực hiện: năm 2014 – 2017.

Quy mô đầu tư:

Xây dựng các hạng mục sau:

- Công trình thu – Trạm bơm nước thô, tuyến ống nước thô, thiết bị trộn.
- Nhà máy xử lý gồm: cụm xử lý (bể phản ứng, bể lắng Lamén, bể lọc nhanh, bể chứa nước sạch, trạm bơm nước sạch); các hạng mục phụ trợ khác (nhà hóa chất, bể nén bùn, nhà để máy ép bùn, đường ống kỹ thuật, đường nội bộ, nhà để máy phát điện dự phòng, hệ thống điện, trạm biến áp 800KVA) và Tuyến ống chuyển tải và phân phối nước sạch (tuyến ống chuyển tải D500 dài khoảng 5.308m; tuyến ống D225, D180, D150 dài khoảng 1.575m).

Tỷ lệ góp vốn của Công ty: Nguồn vốn đầu tư cho dự án gồm vốn tự có của Công ty và vốn vay thương mại.

Tình hình thực hiện dự án

- Công trình thu - Trạm bơm nước thô - Nhà máy xử lý: Bể chứa đã thử thấm xong và đã vệ sinh; bể phản ứng, bể lắng lamén và bể lọc đã đổ bê tông & hoàn thiện, trạm bơm đã đổ sàn mái xong & hoàn thiện, nhà điều hành đã đổ bê tông xong và hoàn thiện xong bể bùn.
- Tuyến ống chuyển tải và phân phối: Đến nay Nhà thầu đã thi công hoàn thành lắp đặt các tuyến ống, chỉ còn công tác thử áp lực.





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Theo BCTC Hợp nhất kiểm toán 2016

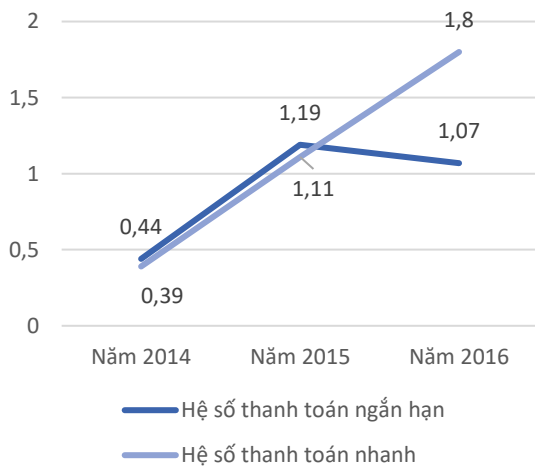
Chỉ tiêu	Năm 2014 (triệu đồng)	Năm 2015 (triệu đồng)	Năm 2016 (triệu đồng)
Tổng giá trị tài sản	3.049.599	3.271.788	3.420.426
Doanh thu thuần	677.825	830.526	895.735
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	222.132	177.473	88.733
Lợi nhuận khác	31	(98)	1.575
Lợi nhuận trước thuế	222.163	177.375	90.308
Lợi nhuận sau thuế	173.245	138.766	72.762

Một số chỉ số tài chính chủ yếu

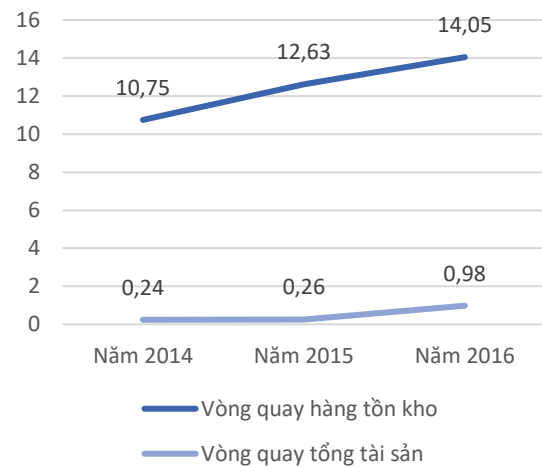
Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,44	1,19	1,07
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,39	1,11	0,98
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,60	0,59	0,61
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,52	1,46	1,57
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	10,75	12,63	14,05
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,24	0,26	0,27
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	25,56	16,71	8,12
Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	%	19,09	10,92	5,47
Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	6,18	4,39	2,17
Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD / Doanh thu thuần	%	32,77	21,37	9,91



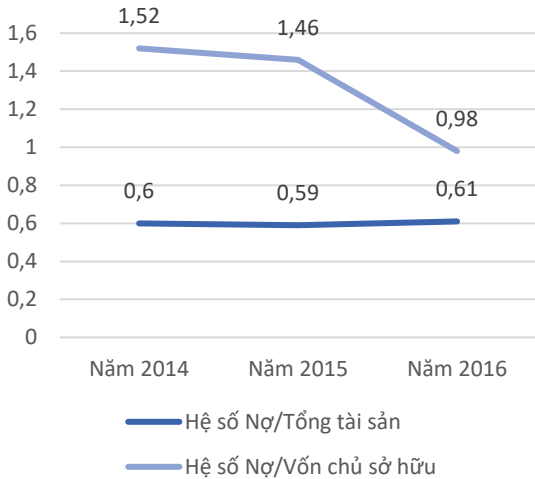
Khả năng thanh toán



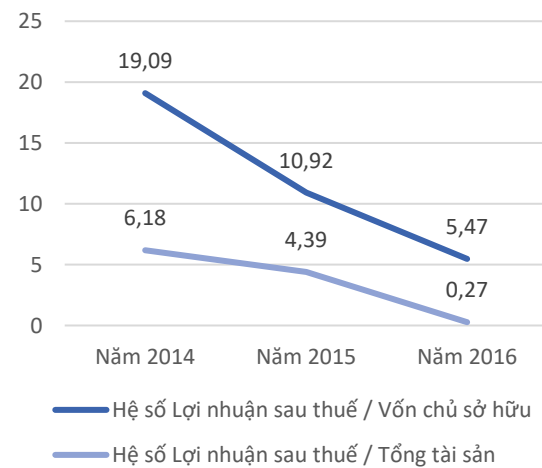
Năng lực hoạt động



Cơ cấu vốn



Khả năng sinh lời



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

✓ Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 100.000.000 cổ phần

Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 18.977.400 cổ phần

Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 81.022.600 cổ phần

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

- Loại cổ phần: cổ phiếu phổ thông

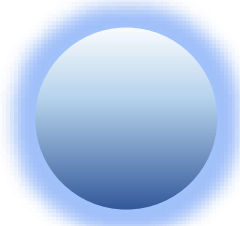
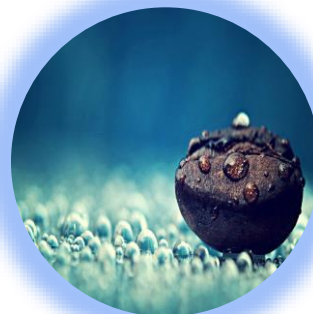
✓ Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông Nhà nước	63.989.100	639.891.000.000	63,99%
II	Cổ đông trong nước	36.010.900	360.109.000.000	36,01%
	Cổ đông cá nhân	4.900.067	49.000.670.000	4,90%
	Cổ đông tổ chức	31.110.833	311.108.330.000	31,11%
III	Cổ đông nước ngoài	0	0	0%
	Cổ đông tổ chức	0	0	0%
	Cổ đông cá nhân	0	0	0%
II	Cổ phiếu quỹ	0	0	0%
	Tổng cộng	100.000.000	1.000.000.000.000	100%

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Tổng Công ty cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	Số 1, Đường 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	63.989.100	639.891.000.000	63,99%
2	Công ty cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương	Số 11 Ngô Văn Trị, P.Phú Lợi, Thủ Dầu Một, Bình Dương	15.000.000	150.000.000.000	15,00%
3	Công Ty cổ phần Nước Thủ Dầu Một	Số 7 Ngô Văn Trị, P. Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Duong, Viet Nam	16.110.833	161.108.330.000	16,11%
Tổng cộng			95.099.933	950.999.330.000	95,10%



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Đối với kinh tế

Các cổ đông của Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai cùng góp vốn, cùng phân chia lợi nhuận, cùng chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ về tài chính khác của công ty trong phạm vi số vốn mình đã góp vào công ty.

Tạo công việc ổn định cho người lao động, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông, góp phần tăng thu ngân sách tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế trong địa phương và cả nước.

Từ thời điểm cổ phần hóa đến nay, Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai luôn cố gắng thực hiện các mục tiêu đã đề ra. Năm 2016 vừa qua, mặc dù lợi nhuận sản xuất kinh doanh vượt kế hoạch nhưng do lỗi chênh lệch tỷ giá làm cho lợi nhuận trước thuế không đạt sự tăng trưởng lợi nhuận như mong đợi, nhưng DOWACO vẫn chia cổ tức năm 2016 như kế hoạch đề ra là 6%. Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ, công nhân viên Công ty luôn cố gắng nỗ lực hết sức để thực hiện các kế hoạch đề ra, nhờ đó góp phần tạo công việc ổn định cho người lao động, lợi ích kinh tế cho cổ đông.

Đối với cộng đồng, xã hội

Công ty đóng góp xây dựng Nhà tình thương "**Vạn tấm lòng vàng**", ủng hộ đồng bào bị thiên tai bão lụt, đóng góp quỹ "**Vi người nghèo, nạn nhân chất độc màu da cam**", giúp đỡ tài trợ những gia đình khó khăn, gia đình liệt sỹ, bà mẹ Việt Nam anh hùng...





Đôi với môi trường

Là một doanh nghiệp sử dụng tài nguyên nước khá lớn trên địa bàn, Công ty xác định việc chấp hành pháp luật về tài nguyên nước là trách nhiệm và quyền lợi của doanh nghiệp, ngoài việc phối hợp với các ngành chức năng để bảo vệ khai thác nguồn nước hiệu quả, tiết kiệm hạn chế ô nhiễm nguồn nước. Công ty thường xuyên kiểm tra chất lượng nguồn nước thô, quan tâm công tác xả thải nhằm hạn chế thấp nhất ô nhiễm môi trường.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là cung cấp nước sạch, một sản phẩm thiết yếu cho nhu cầu sinh hoạt hằng ngày của người dân, do đó ngoài hoạt động kinh doanh, Công ty còn phải đảm bảo vai trò phục vụ an sinh xã hội, Công ty sẽ nỗ lực để nhân dân trong khu vực được sử dụng nước sạch, góp phần cùng cơ quan ban ngành chức năng cải thiện môi trường sống và chăm lo sức khỏe cho nhân dân.

Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hàng năm, công nghệ sản xuất nước sạch của Công ty phù hợp với tiêu chuẩn môi trường theo quy định. Ngoài ra các đoàn kiểm tra giám sát về môi trường của tỉnh và cơ quan thẩm quyền thường xuyên đến Công ty kiểm tra đã đánh giá Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo vệ sinh và môi trường.



BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

- ❖ Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- ❖ Tình hình tài chính
- ❖ Các tiến bộ Công ty đã đạt được
- ❖ Kế hoạch kinh doanh năm 2017

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2015	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	% Thực hiện 2016/ Kế hoạch 2016	% Thực hiện 2016/ Thực hiện 2015
1	Tổng tài sản	3.173.965		3.321.322		105%
2	Doanh thu thuần	712.373	722.350	805.691	112%	113%
3	Lợi nhuận từ HĐKD	131.702	104.000	63.535	61,10%	48%
	- Lợi nhuận từ SXKD	86.907	104.000	105.980	102%	122%
	- Chênh lệch tỷ giá	44.795		(42.446)		
4	Lợi nhuận khác	141		1.846		1305%
5	Lợi nhuận trước thuế	131.843	104.000	65.380	63%	50%
	- Lợi nhuận từ SXKD	87.048	104.000	107.826	103,70%	124%
	- Chênh lệch tỷ giá	44.795		-42.446		
6	Lợi nhuận sau thuế	104.479		54.537		52%
7	Tỷ lệ cổ tức	5%	6%			



Đánh giá SWOT



Điểm mạnh

- Là doanh nghiệp có uy tín và vị thế trên thị trường, Công ty là doanh nghiệp có sản lượng cấp nước đứng thứ 3 toàn quốc. Không có đối thủ cạnh tranh trên địa bàn Đồng Nai.
- Nhu cầu nước sạch của các khách hàng ngày càng tăng. Sản phẩm của doanh nghiệp đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia, được người tiêu dùng chấp thuận.
- Có nhiều năm kinh nghiệm trong hoạt động sản xuất kinh doanh nước máy.
- Nhân lực có trình độ tay nghề và chuyên môn kỹ thuật trong sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng.
- Có khách hàng truyền thống.
- Có hệ thống phân phối tốt.



Điểm yếu

- Chất lượng đường ống cấp nước còn nhiều khu vực kém chưa được thay thế.
- Quản lý hệ thống chưa chặt chẽ nên tỉ lệ thất thoát nước còn cao.
- Cơ chế giá bán nước máy chưa linh hoạt. Giá bán nước máy do các cấp có thẩm quyền ở địa phương thẩm định phê duyệt, khi chi phí SXKD tăng cao giá bán nước máy chưa được điều chỉnh kịp thời sẽ ảnh hưởng tới hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.
- Chưa được áp dụng công nghệ thông tin hiện đại quản lý hệ thống cấp nước của doanh nghiệp địa bàn rộng lớn, .
- Có bộ phận trong doanh nghiệp nhân lực còn nhiều, sắp xếp chưa hợp lý.
- Còn có thiết bị sản xuất nước tiêu tốn nhiều điện năng.
- Thiếu vốn trong đầu tư mở rộng phát triển mạng lưới cấp nước.

O

Cơ hội

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam tương đối ổn định. Đồng Nai là khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam có nhiều khu dân cư, khu CN, và khu kinh tế thương mại đang được hình thành và phát triển cùng với đó là hạ tầng kỹ thuật cấp nước cũng được phát triển theo.
- Nhu cầu thị trường ngày càng tăng và ổn định.
- Môi trường chính trị xã hội ổn định.
- Được sự quan tâm của UBND tỉnh Đồng Nai đối với những công trình cấp nước dân sinh và cấp nước cho các khu kinh tế, khu công nghiệp của tỉnh. UBND tỉnh Đồng Nai đã phê duyệt qui hoạch cấp nước của Công ty đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp với tốc độ đô thị hóa và phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

T

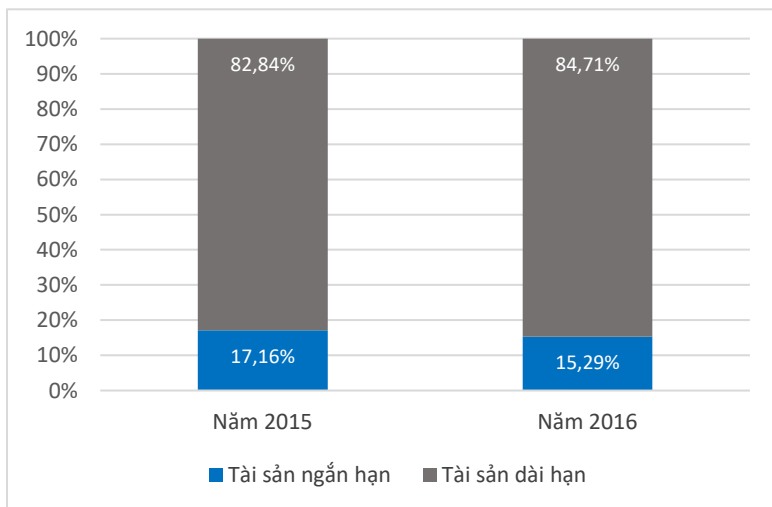
Thách thức

- Nguồn nước mặt ngày càng bị ô nhiễm, nguồn nước ngầm ngày càng bị cạn kiệt.
- Đường ống lâu năm dễ bị xì bể hư hỏng.
- Thất thoát nước có thể tăng cao.
- Nguy cơ nợ quá hạn và sự biến động thị trường tiền tệ trong nước và quốc tế làm tỉ giá ngoại tệ tăng cao dẫn đến chênh lệch tỉ giá đối với khoản nợ vay nước ngoài.
- Khó khăn trong công tác đền bù giải tỏa để làm dự án cấp nước.
- Nguy cơ các hộ dân tái lấn chiếm đất trên các tuyến ống cấp nước.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Theo BCTC Hợp nhất kiểm toán năm 2016

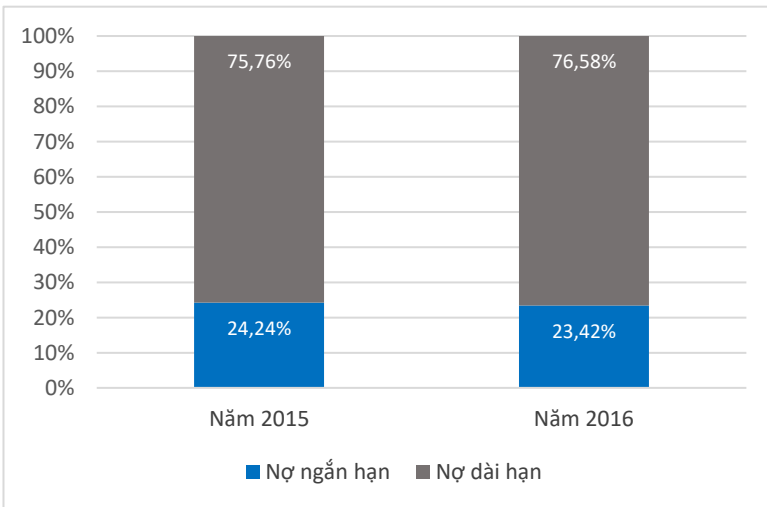
Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2015	2016	% Tăng/ Giảm
Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	561.545	523.109	-6,84%
Tài sản dài hạn	Triệu đồng	2.710.242	2.897.317	6,90%
Tổng tài sản	Triệu đồng	3.271.788	3.420.426	4,54%



Tổng tài sản năm 2016 tăng 4,54% so với năm 2015, đạt giá trị hơn 3.420 tỷ đồng. Theo đó, Công ty vẫn giữ nguyên cơ cấu sử dụng tài sản ngắn hạn rất thấp so với tài sản dài hạn. Với đặc thù ngành nghề xử lý và cung cấp nước sạch nên giá trị tài sản cố định luôn duy trì ở mức cao. Bên cạnh đó, dự án cấp nước Thiện Tân giai đoạn 2 và hệ thống cấp nước Vĩnh Cửu góp phần làm tăng các khoản chi phí xây dựng cơ bản dở dang.



Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2015	2016	% Tăng/ Giảm
Tổng nợ	Triệu đồng	1.941.300	2.089.141	7,62%
<i>Nợ ngắn hạn</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>470.486</i>	<i>489.183</i>	<i>3,97%</i>
<i>Nợ dài hạn</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>1.470.814</i>	<i>1.599.958</i>	<i>8,78%</i>
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	1.330.487	1.331.285	0,06%
Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	3.271.787	3.420.426	4,54%



Vốn chủ sở hữu năm 2016 không có sự thay đổi lớn so với cùng kỳ năm trước. Tổng nguồn vốn Công ty tăng 4,54% chủ yếu từ các khoản vay tài chính ngắn và dài hạn. Các khoản vay được sử dụng chủ yếu cho việc bổ sung nguồn vốn phục vụ các dự án nhà máy nước và nâng cấp các tuyến ống cấp nước hiện có. Theo đó, các khoản mục nợ ngắn hạn và nợ dài hạn lần lượt tăng 3,97% và 8,78% so với cùng kỳ năm trước.



CÁC TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM



- Đã khởi công dự án cấp nước huyện Vĩnh Cửu với công suất 15.000 m³/ngày đêm, đáp ứng nhu cầu nước sạch cho người dân và góp phần phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn.
- Đã đưa cổ phiếu của Công ty với mã chứng khoán DNW lên sàn giao dịch Upcom, bảo đảm sự công khai minh bạch và đáp ứng nhu cầu giao dịch của các cổ đông hoặc nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán.
- Đã ký hợp đồng vay vốn ODA cho dự án cấp nước Nhơn Trạch (giai đoạn II) công suất 100.000 m³/ngày đáp ứng đủ nhu cầu vốn cho dự án với tổng mức đầu tư hơn 3.500 tỷ đồng góp phần thúc đẩy kinh tế xã hội của khu vực Long Thành, Nhơn Trạch và các địa phương trong khu vực của dự án.
- Đã tái cấu trúc các bộ phận sản xuất kinh doanh như tham gia góp vốn thành lập Công ty cổ phần cấp nước Gia Tân để đẩy nhanh việc thực hiện dự án tăng sản lượng cấp nước, tăng nguồn thu; bán tài sản của Khách sạn công đoàn kinh doanh không hiệu quả để thu hồi vốn, giảm chi phí sản xuất kinh doanh; tách phân xưởng nước Trảng Bom về Chi nhánh cấp nước Long Bình để tăng hiệu quả kinh doanh; tiếp nhận hoặc bàn giao một số khu vực có mạng lưới đường ống cấp nước bị thất thoát nước cao để cải tạo sửa chữa nhằm giảm tỷ lệ thất thoát nước.
- Thay thế cải tạo các tuyến ống cấp nước cũ đã đầu tư lâu năm thường xuyên xì bể hư hỏng bằng đường ống cấp nước mới với vật liệu tốt hơn để giảm thất thoát nước.



- Thay thế đồng hồ cơ bằng đồng hồ điện tử, thường xuyên kiểm tra hệ thống cấp nước, thay thế bảo hành đồng hồ nước cho khách hàng kịp thời.
- Ký hợp đồng thực hiện dịch vụ thu hộ tiền nước qua ngân hàng và các dịch vụ thu tiền nước khác không dùng tiền mặt như qua kênh thanh toán của Bưu điện, Viettel... để từng bước cải tiến công tác thu tiền nước vừa nhanh chóng thuận tiện lại tránh được các rủi ro.
- Thay thế các máy bơm nước có công suất lớn tiêu tốn điện năng bằng các máy bơm có công suất tương tự hoặc lớn hơn nhưng tiêu tốn ít điện năng. Kiểm tra lắp đặt thay thế các biển tần, tụ bù và các thiết bị điện khác để đảm bảo hạn chế tối đa tiêu tốn điện năng. Từng bước thay thế hóa chất xử lý nước từ phèn sang PAC để giảm chi phí sản xuất kinh doanh nhưng vẫn đảm bảo chất lượng nước.
- Không ngừng củng cố bộ máy tổ chức, nhất là cán bộ quản lý từ Công ty đến các bộ phận phòng ban, chi nhánh trực thuộc để tăng cường công tác quản lý. Xây dựng hoàn thiện các chính sách quản lý áp dụng trong Công ty như: Quy chế quản lý tài chính; Quy chế chi trả tiền lương, tiền thưởng CB.CNVC lao động; Quy chế tổ chức và hoạt động của Chi nhánh trực thuộc Công ty; Quy chế quản lý đánh giá người đại diện, v.v.. Thường xuyên kiểm tra đôn đốc nhắc nhở, kịp thời phát hiện các trường hợp gian lận của cán bộ nhân viên tiếp tay cho khách hàng ăn cắp nước.
- Với các giải pháp đồng bộ nêu trên đã góp phần làm giảm tỷ lệ thất thoát nước của Công ty từ 28,7% năm 2014 xuống còn 16,8% năm 2016.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG NĂM 2017




STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2017
1	Tổng doanh thu	Tr.đồng	824.000
	- Sản xuất nước	Tr.đồng	783.000
	- Xây lắp	Tr.đồng	30.000
	- Hoạt động khác	Tr.đồng	11.000
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	99.800
3	Nộp ngân sách	Tr.đồng	46.000
4	Đầu tư xây dựng cơ bản	Tr.đồng	388.617
	HTCN Thiện Tâm (giai đoạn 2)	Tr.đồng	366.617
	HTCN huyện Vĩnh Cửu 15.000 m ³ /ngày	Tr.đồng	22.000
5	Tỷ lệ chia cổ tức	%	7



Các giải pháp thực hiện để đạt được kế hoạch kinh doanh năm 2017

- Tiếp tục chỉ đạo quyết liệt công tác giảm thất thoát nước xuống 10% bao gồm:
 - Triển khai, đẩy nhanh công tác thay thế các đồng hồ của các hộ dân cư sử dụng trên 5 năm trong năm 2017.
 - Tiếp tục triển khai thay thế các ống sắt tráng kẽm bằng ống HDPE theo kế hoạch bao gồm các tuyến hẻm còn lại thuộc các phường: Long Bình, Long Bình Tân, Tam Hiệp, Tân Biên, Tân Hòa, Tân Mai, Tân Tiến, Thống Nhất, Trảng Dài, Tân Hiệp, Thanh Bình, Tam Hòa, xã Thạnh Phú huyện Vĩnh Cửu.
 - Triển khai cải tạo thay thế các tuyến ống cấp nước hiện hữu của HTX Thương mại Dịch vụ Long Biên bàn giao bằng ống uPVC và ống sắt tráng kẽm các loại.
- Phối hợp tốt với nhà thầu thi công và đơn vị giám sát thực hiện đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng các gói thầu của dự án Hệ thống cấp nước Thiện Tân (giai đoạn 2).
- Giám sát thi công đẩy nhanh tiến độ, đảm bảo chất lượng, nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng dự án Hệ thống cấp nước Vĩnh Cửu công suất 15.000m³/ngày.
- Đối với dự án Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch (giai đoạn 2): Nhà thầu liên danh tư vấn thực hiện các công việc để triển khai công tác tư vấn thiết kế. Phối hợp với UBND các xã có tuyến ống nhánh đi qua kiểm kê thực tế, lập phương án bồi thường 4 tuyến ống nhánh qua huyện Long Thành, Nhơn Trạch và triển khai các bước tiếp theo của dự án.
- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án cấp nước sử dụng vốn vay thương mại và vốn tự có. Khi thực hiện các dự án đầu tư hệ thống cấp nước, cần tập trung giải quyết các khó khăn đã gặp phải như công tác đền bù giải phóng mặt bằng, chuẩn bị các nguồn vốn, việc tính toán tổng mức đầu tư.
- Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án Hệ thống cấp nước 5 xã Kiệm Tân và đô thị Dầu Giây với công suất 20.000m³/ngày, đảm bảo cuối năm 2017 đưa công trình vào sử dụng.
- Phối hợp với các Sở, ban ngành, chính quyền địa phương và các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết các trường hợp tái lấn chiếm đất của tuyến ống cấp nước, quyết toán chi phí bồi thường, quyết toán vốn đầu tư; kiểm toán của dự án Nhơn Trạch giai đoạn 1.
- Tiếp tục tăng cường công tác phát triển khách hàng theo dọc trục đường Quốc lộ 51 và các khu dân cư tập trung, khu công nghiệp trên địa bàn Huyện Long Thành và các khu vực nội ô thành phố Biên Hòa.
- Các Công ty Cổ phần trực thuộc bảo đảm sản xuất - kinh doanh có hiệu quả, thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2017.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



- ❖ Đánh giá của Hội đồng quản trị
về các mặt của Công ty
- ❖ Đánh giá của Hội đồng quản trị
về hoạt động của Ban điều hành
- ❖ Định hướng kế hoạch năm 2017

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT CỦA CÔNG TY

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Công ty nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của các ban ngành và chính quyền từ Trung ương đến địa phương cũng như Tổng công ty Sonadezi đã tạo thuận lợi rất lớn, có tác động tích cực đến những kết quả trên mọi mặt hoạt động của Công ty. Sự quyết tâm thực hiện chức trách nhiệm vụ của Ban lãnh đạo Công ty, sự đoàn kết, đồng thuận, tin tưởng của toàn thể CB.CNV Công ty là đóng góp rất to lớn trong việc thực hiện tốt hoạt động sản xuất kinh doanh, cũng như các mặt hoạt động khác của Công ty trong năm 2016.

Những kết quả sau hơn hai năm hoạt động theo mô hình công ty cổ phần đã tạo tiền đề, động lực cho việc chỉ đạo các hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng năm 2016 được chủ động. Đặc biệt tỷ lệ thất thoát nước đến cuối tháng 12/2016 chỉ còn 16,8%.

Ngoài các công việc thường xuyên phải thực hiện hàng ngày, trong năm 2016 Công ty đã thực hiện các công tác sau:

Thực hiện dự án cấp nước Thiện Tân 2, dự án Vĩnh Cửu 15.000 m³/ngày và một số dự án khác.

Hoàn thành một số các hạng mục đầu tư, cải tạo, thay thế các tuyến ống sắt tráng kẽm đã cũ trên địa bàn phường Tân Phong, Bửu Long và một số hẻm các hẻm của các phường Quang Vinh, Thống Nhất, An Bình, Tam Hiệp, Tân Hiệp, Trung Dũng, Bửu Long.... đã khắc phục được tình trạng ống bể và nước yếu ảnh hưởng đến nhu cầu sinh hoạt của nhân dân đồng thời hạn chế tỷ lệ thất thoát nước. Hoàn thành công tác lắp đặt đồng hồ điện tử cho tất cả các khách hàng sử dụng lượng nước lớn của Công ty, thay thế các đồng hồ D15mm của các hộ dân cư với số lượng là 6.966 đồng hồ.

Tổ chức tập huấn lớp bồi dưỡng nghiệp vụ nâng cao chất lượng dịch chăm sóc khách hàng do Trung tâm đào tạo Ngành nước Miền Nam giảng dạy cho các bộ phận liên quan tiếp xúc khách hàng trong toàn Công ty. Hoàn thành Sổ tay nhân viên về nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng đã phổ biến đến từng bộ phận toàn Công ty và cam kết thực hiện.

Việc quản lý, bảo toàn và phát triển nguồn vốn lớn luôn đặt ra yêu cầu Công ty phải tập trung chỉ đạo quyết liệt hơn trong công tác quản lý tài chính, công tác kiểm tra, giám sát, đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực để đảm bảo phát triển bền vững.

Những biến động về tỷ giá ngoại tệ liên quan đến tình hình kinh tế - chính trị trên thế giới thời gian gần đây đã ảnh hưởng trực tiếp đến chỉ tiêu lợi nhuận của Công ty.

Công ty đã rà soát kế hoạch cấp nước an toàn năm 2016, triển khai kế hoạch cấp nước an toàn năm 2017 bổ sung giải pháp thích ứng biến đổi khí hậu.

Tham gia góp vốn vào Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân đầu tư dự án Hệ thống cấp nước 5 xã Kiềm Tân và đô thị Dầu Giây với công suất 20.000m³/ngày cung cấp nước máy cho 5 xã: xã Gia Tân 1, Gia Tân 2, Gia Tân 3, Gia Kiềm, Quang Trung và Khu đô thị Dầu Giây...

Công tác quản trị tài chính

Công tác quản lý tài chính trong năm qua luôn được Hội đồng quản trị chú trọng đúng mức, công tác kiểm toán, kiểm soát chi tiêu tài chính trong hoạt động kinh doanh, trong xây dựng cơ bản thường xuyên được tăng cường, công khai minh bạch tài chính đảm bảo theo quy định của pháp luật... Thực hiện tốt công tác công bố thông tin và quan hệ cổ đông theo quy định của pháp luật đối với Công ty đại chúng quy mô lớn.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2016, Hội đồng quản trị luôn theo sát và chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện đúng theo kế hoạch đã được thông qua. Nhìn chung, trong năm 2016, Ban Giám đốc luôn bám sát phương hướng nhiệm vụ đã đề ra trên cơ sở phát huy thuận lợi, hạn chế khó khăn, linh hoạt trong tổ chức và điều hành. Ban Giám đốc đã triển khai các giải pháp kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty.

Ban Giám đốc thực hiện báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh cũng như trình bày phương hướng hoạt động để Hội đồng quản trị xem xét tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị và thông qua báo cáo hàng quý. Từ đó, Hội đồng quản trị luôn nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính Công ty, luôn trong thế chủ động trong việc chỉ đạo, điều hành, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho các hoạt động của Công ty một cách sớm nhất.





ĐỊNH HƯỚNG KẾ HOẠCH NĂM 2017

Phát huy những kết quả đã đạt được của năm 2016, tiếp tục thực hiện các giải pháp trong điều hành sản xuất - kinh doanh, phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2017 mà Tổng Công ty Sonadezi giao khi được ĐHĐCĐ năm 2017 nhất trí thông qua. Thực hiện tốt nhiệm vụ an ninh quốc phòng, bảo đảm an ninh trật tự và an toàn nguồn nước. Các giải pháp cần tập trung chỉ đạo thực hiện là:

Về quản lý khách hàng gia tăng sản lượng tiêu thụ nước

- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng trong toàn Công ty; Thường xuyên kiểm tra hoạt động của các bộ phận nghiệp vụ và nhân viên trực tiếp giao dịch, tiếp xúc với khách hàng nhằm nâng cao mức độ hài lòng của người dân.
- Triển khai các dự án đầu tư tại Trung tâm các huyện và các dự án cấp nước sạch nông thôn theo chỉ đạo của Tỉnh.
- Tăng cường phát triển khách hàng dọc trục đường Quốc lộ 51 và các khu dân cư tập trung, khu công nghiệp trên địa bàn Huyện Long Thành và các khu vực nội ô thành phố Biên Hòa.
- Thực hiện hóa đơn điện tử và thu tiền nước qua hệ thống Ngân hàng, các đơn vị có chức năng khác.

Về công tác chống thất thoát nước

- Thay thế đồng hồ của các hộ dân cư sử dụng trên 5 năm trong năm 2017.
- Thay thế các ống sắt tráng kẽm bằng ống HDPE theo kế hoạch; Cải tạo thay thế các tuyến ống cấp nước hiện hữu của HTX Thương mại Dịch vụ Long Biên bàn giao bằng ống uPVC và ống sắt tráng kẽm các loại.
- Đầu tư các phần mềm quản lý chạy trên nền công nghệ GIS để quản lý hệ thống kỹ thuật hạ tầng, quản lý khách hàng, đầu tư và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý thủy lực, quản lý mạng.
- Tăng cường trách nhiệm đối với công tác trực sửa chữa, đảm bảo phát hiện nhanh chóng và sửa chữa kịp thời.
- Phấn đấu hạ tỷ lệ thất thoát nước xuống dưới 15%.

Về điều hành quản lý sản xuất

- Tăng cường công tác nâng công suất các nhà máy nước trên cơ sở các biện pháp kỹ thuật về hệ thống bơm, hệ thống xử lý, hệ thống đường ống cấp nước.
- Quản lý vận hành tốt các nhà máy: Duy tu, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị; quản lý nguồn nguyên liệu đầu vào. Điều hòa áp lực giữa các nhà máy khi đưa nước ra mạng lưới, tiết kiệm tối đa điện năng và hóa chất tiêu hao.
- Thay thế các máy bơm và các thiết bị điện trong các nhà máy nước có công suất tiêu thụ điện và hao hụt điện lớn bằng máy bơm hao tổn ít điện năng nhằm giảm chi phí tiền điện.
- Phát động phong trào sản xuất kinh doanh có hiệu quả, giảm chi phí điện, tiết kiệm điện năng.
- Thực hiện tốt các quy định về khai thác và xả thải, các biện pháp bảo vệ môi trường theo Luật tài nguyên nước.
- Thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn, chất lượng đảm bảo theo quy chuẩn Việt Nam QCVN01: 2009/BYT của Bộ Y tế.
- Triển khai thực hiện ISO/IEC 17025:2005 về quản lý chất lượng.

Về triển khai thực hiện các dự án

- Thực hiện đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng các gói thầu của dự án Hệ thống cấp nước Thiện Tân (giai đoạn 2).
- Đẩy nhanh tiến độ, đảm bảo chất lượng, nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng dự án Hệ thống cấp nước Vĩnh Cửu công suất 15.000m³/ngày.
- Nhà thầu vẫn thực hiện các công việc để triển khai công tác tư vấn thiết kế. Phối hợp với UBND các huyện, xã có tuyến ống nhánh đi qua để kiểm kê thực tế, lập phương án bồi thường 4 tuyến ống nhánh qua huyện Long Thành, Nhơn Trạch và triển khai các bước tiếp theo của dự án Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch (giai đoạn 2).
- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án cấp nước sử dụng vốn vay thương mại và vốn tự có. Khi thực hiện các dự án đầu tư hệ thống cấp nước, cần tập trung giải quyết các khó khăn đã gặp phải như công tác đền bù giải phóng mặt bằng, chuẩn bị các nguồn vốn, việc tính toán tổng mức đầu tư.
- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án Hệ thống cấp nước 5 xã Kiệm Tân và đô thị Dầu Giây với công suất 20.000m³/ngày, đảm bảo cuối năm 2017 đưa công trình vào sử dụng.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

- ❖ Hội đồng quản trị
- ❖ Ban kiểm soát
- ❖ Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên

Vũ Văn Học	Chủ tịch HĐQT
Phan Hùng	Thành viên HĐQT
Lê Duy Diệp	Thành viên HĐQT
Nguyễn Văn Bính	Thành viên HĐQT
Nguyễn Xuân Thịnh	Thành viên HĐQT
Nguyễn Văn Thiên	Thành viên HĐQT
Võ Văn Bình	Thành viên HĐQT

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hiện tại Công ty chưa thành lập các tiểu ban



Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

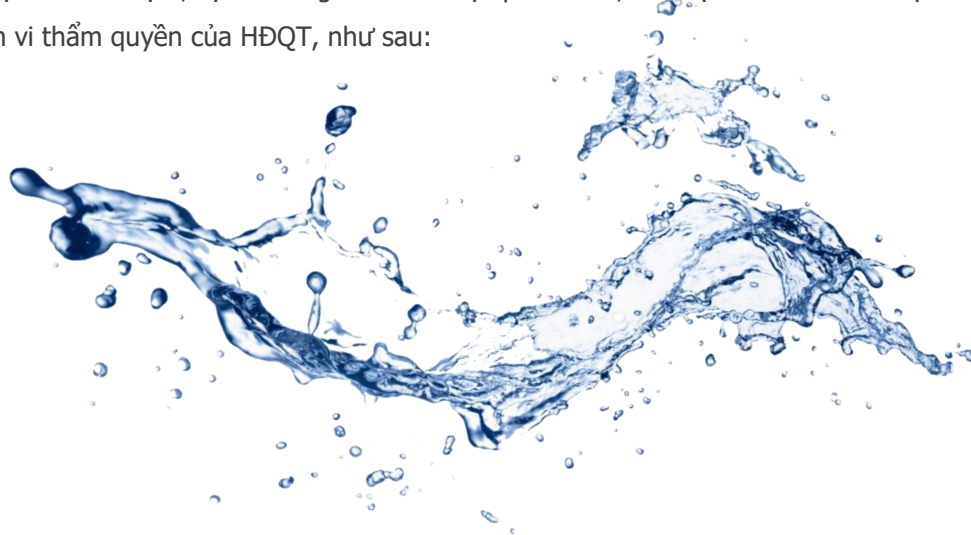
Trong năm 2016, Hội đồng quản trị đã thực hiện 12 (mười hai) cuộc họp Hội đồng quản trị. Tất cả các cuộc họp Hội đồng quản trị đều có sự tham dự của Ban Kiểm soát với tư cách quan sát viên

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Vũ Văn Học	Chủ tịch HĐQT	12/12	100%	
2	Phan Hùng	Thành viên HĐQT	12/12	100%	
3	Lê Duy Diệp	Thành viên HĐQT	12/12	100%	
4	Nguyễn Văn Bình	Thành viên HĐQT	12/12	100%	
5	Nguyễn Xuân Thịnh	Thành viên HĐQT	12/12	100%	
6	Nguyễn Văn Thiện	Thành viên HĐQT	11/12	91,7%	Đi công tác nước ngoài
7	Võ Văn Bình	Thành viên HĐQT	12/12	100%	



Các Nghị quyết/Quyết định

Trong năm 2016, HĐQT đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định về những vấn đề: Ký hợp đồng vay lại vốn ODA; Chuyển giao hệ thống cấp nước tại khu vực 4 phường, xã: Hóa An, Tân Vạn, Bửu Hòa, Tân Vạn; Xử lý khoản lỗ do chênh lệch tỷ giá; Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Chi nhánh quản lý các dự án cấp nước Đồng Nai; Bổ nhiệm một số nhân sự..., định hướng về chiến lược phát triển, kế hoạch SXKD và chỉ đạo công tác quản lý trong phạm vi thẩm quyền của HĐQT, như sau:



Nghị quyết:

STT	SỐ NQ	NGÀY	NỘI DUNG
1	01/NQ-HĐQT	30/01/2016	NQ V/v chia cổ tức năm 2015
2	02/NQ-HĐQT	17/02/2016	NQ V/v vay vốn tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai
3	03/NQ-HĐQT	14/4/2016	NQ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016
4	04/NQ-HĐQT	28/4/2016	NQ V/v thông qua việc ký hợp đồng vay lại vốn ODA cho dự án HTCN Nhơn Trạch 2 với HD Bank
5	05/NQ-HĐQT	18/5/2016	NQ V/v tỷ lệ sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài tối đa là 9,5% vốn điều lệ của Dowaco
6	06/NQ-HĐQT	20/7/2016	V/v chuyển giao hệ thống cấp nước tại khu vực 04 phường, xã phía Nam TP. Biên Hòa: Hóa An, Tân Vạn, Bửu Hòa, Tân Vạn từ Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai sang Công ty cổ phần dịch vụ & Xây dựng cấp nước Đồng Nai.
7	07/NQ-HĐQT	07/10/2016	NQ về việc: +Thông qua việc góp vốn và triển khai đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước 05 xã Kiệm Tân và đô thị Dầu Giây để thành lập Công ty cổ phần cấp nước Gia Tân +Thông qua số vốn góp là 15.000.000.000 đồng (Mười lăm tỷ đồng), tương đương 25% Vốn điều lệ của Công ty cổ phần cấp nước Gia Tân.
8	08/NQ-HĐQT	21/10/2016	NQ v/v thông qua tình hình SXKD 9 tháng đầu năm và kế hoạch thực hiện các tháng cuối năm của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai
9	09/NQ-HĐQT	22/11/2016	NQ V/v giải pháp xử lý khoản lỗ do chênh lệch tỷ giá đối với các khoản vay đầu tư thực hiện các dự án Hệ thống cấp nước

Quyết định

STT	SỐ QĐ	NGÀY	NỘI DUNG
1	01/QĐ-HĐQT	04/01/2016	QĐ V/v công nhận danh hiệu thi đua cấp cơ sở - năm 2015 đối với tập thể, cá nhân thuộc Công ty Cổ phần cấp nước Đồng Nai.
2	02/QĐ-HĐQT	05/01/2016	QĐ V/v chấp thuận cho CNVC-LĐ chi nhánh cấp nước Thiện Tân đi tham quan du lịch tại Singapore (Bà Võ Thị Minh Thu)
3	03/QĐ-HĐQT	14/01/2016	QĐ V/v chấp thuận cho nhân viên chi nhánh cấp nước Biên Hòa đi tham quan du lịch tại Nhật Bản (Bà Đỗ Thị Thanh Liên)
4	04/QĐ-HĐQT	14/01/2016	QĐ V/v chấp thuận cho nhân viên chi nhánh cấp nước Nhơn Trạch đi tham quan du lịch tại Thái Lan (Bà Huỳnh Thị Hải Đường)
5	05/QĐ-HĐQT	14/01/2016	QĐ V/v chấp thuận cho nhân viên Phòng quản lý chất lượng nước đi tham quan du lịch tại Thái Lan (Bà Đặng Tiết Hạnh)
6	06/QĐ-HĐQT	22/01/2016	QĐ V/v chấp thuận cho nhân viên chi nhánh cấp nước Nhơn Trạch đi tham quan du lịch tại Thái Lan (Bà Phạm Thị Thanh Giang)
7	07/QĐ-HĐQT	26/01/2016	QĐ V/v chấp thuận cho CB.CNVC - LĐ Biên Hòa đi tham quan du lịch tại Thái Lan (Bà Phùng Ngọc Châu)
8	08/QĐ-HĐQT	28/01/2016	QĐ V/v ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Chi nhánh quản lý các dự án cấp nước Đồng Nai
9	09/QĐ-HĐQT	05/02/2016	QĐ V/v chấp thuận cho CB.CNVC-LĐ Chi nhánh Quản lý các dự án cấp nước đi tham quan du lịch tại các nước Châu Âu (Bà Nguyễn Thu Trang)
10	10/QĐ-HĐQT	10/3/2016	QĐ V/v chấp thuận cho CB.CNVC - LĐ Chi nhánh cấp nước Long Bình đi tham quan du lịch tại Nhật Bản (Ông Đỗ Hùng Minh)
11	11/QĐ-HĐQT	31/3/2016	QĐ thành lập Ban thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai
12	12/QĐ-HĐQT	14/4/2016	QĐ V/v bổ nhiệm Phó Giám đốc Công ty
13	13/QĐ-HĐQT	15/4/2016	QĐ V/v cử nhân sự làm người đại diện phần vốn của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai tại Công ty cổ phần cấp nước Nhơn Trạch
14	14/QĐ-HĐQT	15/4/2016	QĐ V/v cử nhân sự làm người đại diện phần vốn của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai tại Công ty cổ phần cấp nước Long Khánh
15	15/QĐ-HĐQT	04/5/2016	QĐ V/v thành lập Ban tổ chức Lễ khởi công xây dựng HTCN Vĩnh Cửu, công suất 15.000 m ³ /ngày
16	16/QĐ-HĐQT	05/5/2016	QĐ V/v chấp thuận cho cán bộ Chi nhánh cấp nước Long Bình đi tham quan du lịch tại Hàn Quốc (Ông Đỗ Hùng Minh)

17	17/QĐ-HĐQT	13/5/2016	QĐ V/v thành lập Ban tổ chức Hội thi kể chuyện làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh năm 2016
18	18/QĐ-HĐQT	13/5/2016	QĐ V/v Thành lập Ban giám khảo Hội thi kể chuyện làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh năm 2016
19	19/QĐ-HĐQT	19/5/2016	QĐ V/v xếp mức lương để đóng bảo hiểm xã hội đối với Cán bộ lãnh đạo Công ty
20	20/QĐ-HĐQT	06/6/2016	QĐ V/v chấp thuận cho CB.CNVC - LĐ Chi nhánh quản lý các dự án cấp nước Đồng Nai đi tham quan du lịch tại Thái Lan
21	21/QĐ-HĐQT	15/6/2016	QĐ V/v Áp dụng mức lương sản phẩm đối với Ban lãnh đạo quản lý điều hành Công ty
22	22/QĐ-HĐQT	01/8/2016	QĐ V/v xây dựng phương án lương viên chức Quản lý điều hành.
23	23/QĐ-HĐQT	08/9/2016	QĐ V/v tạm ngừng hoạt động chi nhánh của Công ty tại tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
24	24/QĐ-HĐQT	10/10/2016	QĐ V/v chấp thuận cho cán bộ Chi nhánh quản lý các dự án cấp nước Đồng Nai đi tham quan du lịch tại Hàn Quốc (Bà Nguyễn Thị Thu Trang)
25	25/QĐ-HĐQT	10/10/2016	QĐ V/v chấp thuận cho cán bộ Chi nhánh quản lý các dự án Đồng Nai đi tham quan du lịch tại Hàn Quốc (Bà Phan Thanh Thủy)
26	26/QĐ-HĐQT	10/10/2016	QĐ V/v chấp thuận cho cán bộ Chi nhánh quản lý các dự án Đồng Nai đi tham quan du lịch tại Hàn Quốc (Bà Nguyễn Thị Thanh Tú)
27	27/QĐ-HĐQT	18/10/2016	QĐ V/v cử người đại diện phần vốn của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai tại Công ty cổ phần cấp nước Gia Tân (Ông Vũ Hoài Nam: 15%)
28	28/QĐ-HĐQT	18/10/2016	QĐ V/v cử người đại diện phần vốn của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai tại Công ty cổ phần cấp nước Gia Tân (Ông Dương Đào Trường Thọ: 10%)
29	29/QĐ-HĐQT	26/10/2016	QĐ V/v ban hành quy chế quản lý và đánh giá người đại diện phần vốn của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.
30	30/QĐ-HĐQT	28/10/2016	QĐ V/v chấp thuận cho người đại diện phần vốn của Công ty tại Công ty cổ phần cấp nước Nhơn Trạch đi tham quan nhà máy sản xuất đồng hồ nước tại nước Đức và tham quan du lịch tại nước Pháp và Cộng Hòa Séc (Ông Nguyễn Anh Tuấn)
31	31/QĐ-HĐQT	14/12/2016	QĐ V/v củng cố và kiện toàn Hội đồng thi đua khen thưởng
32	32/QĐ-HĐQT	22/12/2016	QĐ V/v chấm dứt hoạt động chi nhánh của Công ty tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
33	33/QĐ-HĐQT	15/12/2016	QĐ V/v ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh cấp nước Long Bình
34	34/QĐ-HĐQT	15/12/2016	QĐ V/v Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh cấp nước Vĩnh An
35	35/QĐ-HĐQT	28/12/2016	QĐ V/v công nhận các tập thể và cá nhân các công ty cổ phần trực thuộc Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" năm 2016.

36	36/QĐ-HĐQT	28/12/2016	QĐ V/v công nhận danh hiệu thi đua cấp cơ sở năm 2016 đối với tập thể, cá nhân các Công ty cổ phần trực thuộc.
37	37/QĐ-HĐQT	28/12/2016	QĐ V/v ban hành Quy chế quản lý tài chính của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.



Công tác quản lý, điều hành của Hội đồng Quản trị:

Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các nhiệm vụ được một cách trung thực, cẩn trọng, năng động, đặc biệt tìm kiếm khách hàng, mở rộng mạng lưới cấp nước và phát triển khách hàng.

Giám sát chặt chẽ các hoạt động của Ban điều hành; giải quyết kịp thời các đề xuất của Ban điều hành và đưa ra các quyết định, các chỉ đạo kịp thời mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty.

Căn cứ Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và tình hình yêu cầu thực tế của Công ty, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp để xem xét và giải quyết kịp thời các công việc thuộc trách nhiệm của HĐQT và ban hành các nghị quyết, quyết định.

Triển khai thực hiện Quy định quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng để hoàn thiện công tác quản trị công ty. Tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định. Giám sát chặt chẽ công tác quản lý, điều hành cũng như việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Tăng cường công tác quản lý, giám sát các hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc và bộ máy giúp việc của công ty. Nâng cao chất lượng của công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ. Kiểm tra việc thực thi công việc theo sự phân bổ nhiệm vụ hoặc phân cấp từ HĐQT.

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc Công ty:

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016, thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty quy định, nhằm đảm bảo lợi ích cổ đông và người lao động. Giám đốc đã triển khai các giải pháp kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty.

Hội đồng quản trị thường xuyên theo dõi công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Giám đốc Công ty, phối hợp với Ban Kiểm soát Công ty giám sát các vấn đề:

- Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 đề ra.
- Thực hiện các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng Quản trị đã ban hành về sản xuất kinh doanh và hoạt động của doanh nghiệp.
- Hàng quý, Giám đốc Công ty lập báo cáo các chỉ tiêu tài chính gửi Hội đồng quản trị; đồng thời qua các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh đến thời điểm hiện tại cũng như phương hướng trong thời gian tới để Hội đồng quản trị xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, các chỉ tiêu kinh tế tài chính để có biện pháp chỉ đạo kịp thời; Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh kịp thời đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho các hoạt động của Công ty.
- Thông qua nội dung đánh giá của Ban Kiểm soát về tình hình tài chính và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Giám đốc Công ty.
- Việc tuân thủ và thực hiện các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.



Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị không điều hành

Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành thực hiện đúng chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của mình theo sự phân công của Hội đồng quản trị.

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Không có

Các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Không có



BAN KIỂM SOÁT

Thành viên

Nguyễn Tấn Dũng	Trưởng Ban kiểm soát
Tăng Tố Vân	Thành viên Ban kiểm soát
Phan Thùy Đoan	Thành viên Ban kiểm soát

Sự thay đổi nhân sự trong năm 2016:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Phạm Thị Hồng	Thành viên Ban kiểm soát	26/12/2015	14/04/2016
2	Phan Thùy Đoan	Thành viên Ban kiểm soát	14/04/2016	



Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2016, được sự phối hợp chặt chẽ của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành, Ban kiểm soát đã thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và khuyến nghị thực hiện những thay đổi cần thiết góp phần tăng hiệu quả quản lý điều hành và SXKD, nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp.

Trong năm 2016, Ban kiểm soát thường xuyên tổ chức các cuộc họp và thực hiện các công việc cụ thể như sau:

- Phân công nhiệm vụ từng thành viên.
- Trong năm Ban kiểm soát xem xét, đánh giá hoạt động của Hội Đồng quản trị, Ban Giám đốc và hệ thống quản lý Công ty trong suốt niên độ liên quan đến việc thực hiện tài chính và kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Ban kiểm soát cũng tham gia các cuộc họp của Hội Đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty, đưa ra những kiến nghị với Hội Đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng cơ bản năm 2016.
- Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các nghị quyết, quyết định của Hội Đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty trong năm 2016. Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo đúng quy định Pháp luật.
- Tổ chức kiểm tra, thẩm định Báo cáo tài chính của Công ty 6 tháng đầu năm 2016 và Báo cáo tài chính năm 2016. Ban Kiểm soát đồng ý với đánh giá về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam.
- Ban Kiểm soát cũng thường xuyên trao đổi với nhau qua điện thoại và email nhằm hoàn thành nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao
1	Hội đồng quản trị				
	Vũ Văn Học	Chủ tịch HĐQT	838.989.000	49.000.000	
	Phan Hùng	TVHĐQT, Giám đốc	775.569.000	45.000.000	72.000.000
	Lê Duy Diệp	TVHĐQT, Phó giám đốc	698.977.000	41.000.000	72.000.000
	Nguyễn Xuân Thịnh	TVHĐQT, Phó giám đốc	698.977.000	41.000.000	72.000.000
	Nguyễn Văn Bình	TVHĐQT, Phó giám đốc	698.977.000	41.000.000	72.000.000
	Nguyễn Văn Thiện	TVHĐQT		20.000.000	72.000.000
	Võ Văn Bình	TVHĐQT		20.000.000	72.000.000
2	Ban kiểm soát				
	Nguyễn Tấn Dũng	Trưởng ban	489.342.700	30.000.000	
	Phạm Thị Hồng	Thành viên		10.000.000	12.000.000
	Phan Thuỳ Đoan	Thành viên			36.000.000
	Tăng Tố Vân	Thành viên		10.000.000	48.000.000
3	Ban điều hành				
	Nguyễn Thu Oanh	Kế toán trưởng	552.948.300	37.000.000	
	Cộng		4.753.780.000	344.000.000	528.000.000

Thông tin về giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn, cổ đông nội bộ và những người liên quan năm 2016

STT	Tên cổ đông	Chức vụ/Liên quan	Số lượng CP trước giao dịch	Giao dịch	Số lượng CP đã giao dịch	Số lượng CP sau giao dịch	Thời gian thực hiện
1	Công ty cổ phần Cơ Điện lạnh	Cổ đông lớn	6.760.833	Bán	6.760.833	0	12/10/16
2	Công ty cổ phần Nước Thủ Dầu Một	Tổ chức có 2 thành viên tham gia HĐQT: ông Nguyễn Văn Thiên, ông Võ Văn Bình.	9.350.000	Mua	6.760.833	16.110.833	Từ 11/10/16 đến 14/10/16

Thông tin về hợp đồng hoặc giao dịch phát sinh với cổ đông nội bộ năm 2016

Stt	Tổ chức/ cá nhân thực hiện giao dịch với Công ty	Nội dung giao dịch	Ghi chú
1	Công ty TNHH MTV TM DV Kỹ thuật D&B	Hợp đồng phát sinh: Trang bị tủ điều khiển bơm tự động, tủ biến tần cho các Chi nhánh và mua vật tư ngành nước.	Tổ chức có ông Võ Văn Bình TV.HĐQT Dowaco, giữ chức Chủ tịch HĐQT.

Các kế hoạch, công việc cụ thể để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty

Hội đồng quản trị tập trung lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2017, như sau:

- Phối hợp, hỗ trợ Ban điều hành phấn đấu đạt mức độ tăng trưởng về sản lượng, doanh thu và lợi nhuận theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 đã đề ra.
- Định hướng trong việc bảo toàn, sử dụng có hiệu quả và phát triển nguồn vốn.
- Định hướng đầu tư, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ mới nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Tiếp tục chỉ đạo quyết liệt công tác chống thất nước để mang lại hiệu quả kinh doanh cao.
- Tiếp tục triển khai việc Khoán chi phí cho các đơn vị trực thuộc.
- Định hướng tập trung triển khai thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ khách hàng.
- Tiếp tục chỉ đạo các bộ phận có liên quan và đơn vị thi công, giám sát để thực hiện thi công các công trình cấp nước hoàn thành theo đúng tiến độ, phát huy hiệu quả đầu tư các dự án.





**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
KIỂM TOÁN NĂM 2016**

- ❖ Ý kiến cơ quan kiểm toán
- ❖ Báo cáo tài chính Hợp nhất kiểm toán năm 2016



RSM Vietnam

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3
140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Số: 17.104 HN/BCKT-RSM HCM

T +848 3827 5026

F +848 3827 5027

www.rsm.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm công ty"), được lập ngày tháng năm 2017 từ trang 05 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Nhóm công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
0172-2016-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2017

Huỳnh Thị Ngọc Trinh
Kiểm toán viên

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
2124-2016-026-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		523.108.921.468	561.545.397.534
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	169.631.427.514	223.545.058.293
1. Tiền	111		35.754.174.738	59.851.214.483
2. Các khoản tương đương tiền	112		133.877.252.776	163.693.843.810
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		292.448.837.895	297.095.005.513
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	125.071.514.826	86.775.428.591
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	147.001.481.227	208.384.945.089
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	20.000.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136		2.718.792.068	4.277.582.059
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(2.342.950.226)	(2.342.950.226)
III. Hàng tồn kho	140		43.265.148.148	38.622.216.531
1. Hàng tồn kho	141	5.7	43.265.148.148	38.622.216.531
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		17.763.507.911	2.283.117.197
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		16.647.726.973	1.290.660.844
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		364.137.856	515.184.460
3. Tài sản ngắn hạn khác	155		751.643.082	477.271.893
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.897.316.624.442	2.710.242.313.275
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	1.753.316.818
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	1.753.316.818
II. Tài sản cố định	220		2.455.152.547.168	2.561.843.349.209
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5..9	2.448.079.584.942	2.536.811.628.996
Nguyên giá	222		3.818.882.132.916	3.759.598.671.738
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.370.802.547.974)	(1.222.787.042.742)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	7.072.962.226	25.031.720.213
Nguyên giá	228		9.130.856.115	27.055.949.338
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.057.893.889)	(2.024.229.125)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		380.655.093.374	112.683.295.623
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	380.655.093.374	112.683.295.623
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	14.938.702.421	12.875.003.431
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		11.868.979.931	10.335.280.941
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.069.722.490	3.069.722.490
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(530.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		46.570.281.479	21.087.348.194
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	45.977.937.310	20.291.136.060
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.12	592.344.169	796.212.134
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270= 100 +200)	270		3.420.425.545.910	3.271.787.710.809

HỢP NHẤT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.089.140.519.350	1.941.300.387.637
I. Nợ ngắn hạn	310		489.182.820.513	470.485.808.460
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	23.517.123.518	24.998.877.244
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.297.713.244	1.704.068.454
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	9.720.864.254	19.986.113.577
4. Phải trả người lao động	314		8.717.321.516	7.320.793.211
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	10.604.767.338	7.900.093.429
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	22.241.880.941	16.185.601.852
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	389.212.090.397	376.767.470.597
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		20.871.059.305	15.622.790.096
II. Nợ dài hạn	330		1.599.957.698.837	1.470.814.579.177
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.13	17.516.875.308	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		5.571.400.440	7.440.282.725
3. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	139.582.268.319	228.128.253.384
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	1.437.287.154.770	1.235.246.043.068
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.331.285.026.560	1.330.487.323.172
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.330.372.645.206	1.329.679.361.110
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.18.1	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		18.764.721.168	18.240.361.167
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		13.109.346.750	-
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(64.235.766.100)	(64.235.766.100)
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	179.486.291
6. Quỹ đầu tư phát triển	418		35.102.584.628	36.030.009.578
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		225.203.582.263	237.805.277.466
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		156.574.075.093	102.609.315.448
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		68.629.507.170	135.195.962.018
8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		102.428.176.497	101.659.992.708
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		912.381.354	807.962.062
1. Nguồn kinh phí	431		912.381.354	807.962.062
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.420.425.545.910	3.271.787.710.809



Phan Hùng
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 29 tháng 3 năm 2017

Nguyễn Thu Oanh
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Tâm
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	896.010.456.685	830.693.510.317
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		275.729.074	167.069.152
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		895.734.727.611	830.526.441.165
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	575.405.888.763	536.836.200.187
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		320.328.838.848	293.690.240.978
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	10.911.766.351	52.144.303.925
7. Chi phí tài chính	22	6.4	107.859.225.025	53.736.580.579
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>53.911.494.700</i>	<i>52.299.685.334</i>
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24		3.342.698.990	2.924.846.311
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	87.748.133.473	66.906.385.076
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	50.242.750.070	50.643.764.656
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		88.733.195.621	177.472.660.903
12. Thu nhập khác	31		2.342.072.042	5.600.834.251
13. Chi phí khác	32		767.406.318	5.698.523.854
14. Lợi nhuận khác	40		1.574.665.724	(97.689.603)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		90.307.861.345	177.374.971.300
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	17.342.480.005	38.384.927.379
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		203.867.965	224.254.762
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		72.761.513.375	138.765.789.159
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		60.527.725.857	120.338.472.147
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		12.233.787.518	18.427.317.012
21. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	70	5.17.3	542	1.104



Phan Hùng
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 19 tháng 5 năm 2017

Nguyễn Thu Oanh
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Tâm
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		90.307.861.345	177.374.971.300
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	6.7	182.316.229.292	176.554.887.657
Các khoản dự phòng	03		(530.000.000)	530.000.000
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	6.4	42.446.181.198	(44.795.445.421)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(12.380.616.359)	(10.285.495.891)
Chi phí lãi vay	06	6.4	53.911.494.700	52.299.685.334
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		356.071.150.176	351.678.602.979
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		44.746.634.572	(160.177.315.044)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4.642.931.617)	7.738.514.585
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(231.369.132.033)	(309.354.684.553)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(25.686.801.250)	(15.645.836.506)
Tiền lãi vay đã trả	14		(45.670.719.338)	(46.771.348.897)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	5.14	(26.912.994.759)	(48.925.756.805)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		2.163.182.776	1.886.993.112
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(5.221.706.607)	(7.685.165.912)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		63.476.681.920	(227.255.997.041)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(259.603.561.000)	(232.915.348.705)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		53.898.558.182	35.500.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(20.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	2.339.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.423.891.203	4.172.114.677
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(219.281.111.615)	(226.368.734.028)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	7.1	811.100.491.909	952.458.217.641
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(652.585.311.740)	(504.127.330.877)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(56.624.381.253)	(5.867.474.110)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		101.890.798.916	442.463.412.654
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		(53.913.630.779)	(11.161.318.415)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		223.545.058.293	234.706.376.708
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	5.1	169.631.427.514	223.545.058.293



Phan Hùng
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 29 tháng 3 năm 2017

Nguyễn Thu Oanh
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Tâm
Người lập biểu

Hàng kế toán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Cấp nước Đồng Nai, một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 05 tháng 09 năm 2014, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (DOWACO) theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600259296 ngày 01 tháng 01 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Công ty đã đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sàn giao dịch Upcom và được cấp mã chứng khoán DNW tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 53/2015/GCNCP-VSD ngày 03 tháng 07 năm 2015.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần lượt là 1.000.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
		Giá trị (VND'000)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND'000)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Cổ phần Phát Triển Khu Công nghiệp	Việt Nam	639.891.000	63,99%	639.891.000	63,99%
Các nhà đầu tư khác	Việt Nam	360.109.000	36,01%	360.109.000	36,01%
Cộng		1.000.000.000	100%	1.000.000.000	100%

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Nhóm công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.111 nhân viên (31/12/2015: 1.081 nhân viên).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Khai thác nước sạch.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Nhóm công ty là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước: Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch.
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại: Sản xuất các sản phẩm cơ khí chuyên ngành nước.
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Kinh doanh khách sạn.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Kinh doanh vật tư thiết bị phụ kiện chuyên ngành nước.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Thiết kế công trình cấp nước, thiết kế hệ thống cấp nước cho công trình, thiết kế công trình thoát nước. Khảo sát, giám sát thi công, thẩm tra các công trình cấp nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí: Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước.
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng: Sản xuất nước tinh khiết đóng chai.
- Xây dựng công trình công ích: Xây dựng các công trình cấp thoát nước.
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Kiểm định đồng hồ đo nước từ 15mm đến 100mm.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm công ty là 12 tháng.

1.5. Các công ty con được hợp nhất

Các công ty con trực tiếp:

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	Khu Công nghiệp Nhơn Trạch, Số 319B, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai	52,44%	52,44%
2.	Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	Số 02 Bis, Cách Mạng Tháng Tám, Phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai	51,00%	51,00%

1.6. Công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	Số 52 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	36%	36%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

2.1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Nhóm công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Ngoại tệ

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để phân chia lợi nhuận.

4.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

4.4. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Nhóm công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Nhóm công ty trong lãi lỗ của công ty liên kết sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên kết sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

4.5. Các khoản phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ với các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua. Khi mua hàng tồn kho nếu được nhận kèm thêm sản phẩm, hàng hóa, thiết bị, phụ tùng thay thế (phòng ngừa trường hợp hỏng hóc) thì xác định và ghi nhận riêng sản phẩm, phụ tùng thiết bị thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi chi phí mua của hàng tồn kho.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	05 - 20 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 - 20 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
▪ Tài sản cố định khác	10 năm

4.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất từ 20 đến 46 năm.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

4.9. Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm công ty.

Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

4.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí liên quan đến chi phí đánh giá lại tài sản cố phần hóa, chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng kho còn phải phân bổ. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ từ 1 đến 3 năm.

4.11. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.12. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

4.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ của các công ty trong Nhóm công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần hợp nhất sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.14. Doanh thu và thu nhập khác***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.16. Chi phí tài chính

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí lắp đặt hệ thống nước cho khách hàng là hộ gia đình, chi phí thay thế đồng hồ nước, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (cả hoạt động lắp đặt)...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.17. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí lắp đặt hệ thống nước cho khách hàng là hộ gia đình, chi phí thay thế đồng hồ nước, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (cả hoạt động lắp đặt).

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

4.18. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20 %

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Nhóm công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Dịch vụ cung cấp nước: 5%
- Dịch vụ lắp đặt: 10%

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty.

4.19. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Nhóm công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Nhóm công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.21. Nguyên tắc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Nhóm công ty mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tiền mặt	320.656.617	188.563.699
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	35.433.518.121	59.662.650.784
Các khoản tương đương tiền	133.877.252.776	163.693.843.810
Cộng	169.631.427.514	223.545.058.293

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất 4,6%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.3. Phải thu của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Ngắn hạn:		
Phải thu từ khách hàng khác	91.446.916.019	86.767.133.016
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 9	33.624.598.807	8.295.575
Cộng	125.071.514.826	86.775.428.591

5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Nhà thầu Kumho Industrial	126.341.637.114	166.826.752.397
Trả trước cho người bán là các đối tượng khác	20.659.844.113	33.706.146.045
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 9	-	7.852.046.647
Cộng	147.001.481.227	208.384.945.089

5.5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn là bên liên quan – Xem thêm mục 9	20.000.000.000	-

5.6. Nợ xấu

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2016 VND			Tại ngày 01/01/2016 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH Vạn Phúc	2.271.119.074	-	Trên 03 năm	2.271.119.074	-	Trên 03 năm
Các khách hàng khác	71.831.152	-	Trên 03 năm	71.831.152	-	Trên 03 năm
Cộng	2.342.950.226	-		2.342.950.226	-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	40.052.893.842	-	37.641.610.088	-
Công cụ, dụng cụ	240.756.846	-	286.946.214	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.948.196.799	-	669.386.876	-
Thành phẩm	23.300.661	-	24.273.353	-
Cộng	43.265.148.148	-	38.622.216.531	-

5.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Dự án cấp nước Thiện Tâm giai đoạn 2	223.564.308.375	26.747.441.345
Hệ thống cấp nước Vĩnh Cửu (công suất 15.000m ³ /ngày)	31.341.609.543	816.178.182
Hệ thống cấp nước Xã Long Hưng, TP. Biên Hòa giai đoạn 2- 20.400 m ³ /ngày	26.445.875.229	26.129.241.789
Mở rộng đường ống cấp nước Thị trấn Vĩnh An, Huyện Vĩnh Cửu	22.018.955.353	421.331.087
Dự án cấp nước Nhơn Trạch	16.217.321.384	313.871.950
Cải tạo nhà máy nước Gia Ray	12.389.904.765	6.091.788.858
Hệ thống cấp nước thị trấn Trảng Bom	11.294.496.085	10.387.287.590
Hệ thống cấp nước Xã Long Hưng, TP. Biên Hòa giai đoạn 1-18.350 m ³ /ngày	4.710.793.050	1.009.014.728
Dự án khác	32.671.829.590	40.767.140.094
Cộng	380.655.093.374	112.683.295.623

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2016	671.967.007.201	919.104.295.087	2.124.483.051.844	41.068.654.762	2.975.662.844	3.759.598.671.738
Mua trong năm	160.500.000	10.808.570.800	7.356.863.274	2.734.338.897	2.258.261.154	23.318.534.125
Đầu tư XDCB hoàn thành	22.838.792.632	7.467.962.379	87.153.017.139	-	-	117.459.772.150
Thanh lý, nhượng bán	(7.387.995.000)	-	(73.575.073.650)	(363.458.000)	-	(81.326.526.650)
Giảm khác	-	(136.120.000)	(32.198.447)	-	-	-
Tại ngày 31/12/2016	687.578.304.833	937.244.708.266	2.145.385.660.160	43.439.535.659	5.233.923.998	3.818.882.132.916
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2016	244.557.743.597	312.940.532.284	653.139.868.706	10.026.597.581	2.122.300.574	1.222.787.042.742
Khấu hao trong năm	32.214.570.685	65.542.648.064	79.624.497.196	4.334.343.880	422.672.885	182.138.732.710
Thanh lý, nhượng bán	(2.425.980.700)	-	(31.342.875.228)	(354.371.550)	-	(34.123.227.478)
Tại ngày 31/12/2016	274.346.333.582	378.483.180.348	701.421.490.674	14.006.569.911	2.544.973.459	1.370.802.547.974
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2016	427.409.263.604	606.163.762.803	1.471.343.183.138	31.042.057.181	853.362.270	2.536.811.628.996
Tại ngày 31/12/2016	413.231.971.251	558.761.527.918	1.443.964.169.486	29.432.965.748	2.688.950.539	2.448.079.584.942

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 2.095.725.303.459 VND – Xem thêm mục 5.17;

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 70.839.981.520 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Quy hoạch bản đồ VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2016	23.560.058.223	2.814.843.027	681.048.088	27.055.949.338
Mua trong năm	-	-	35.000.000	35.000.000
Thanh lý, nhượng bán	(17.960.093.223)	-	-	(17.960.093.223)
Tại ngày 31/12/2016	5.599.965.000	2.814.843.027	716.048.088	9.130.856.115
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2016	239.188.694	1.400.353.454	364.520.309	2.024.229.125
Khấu hao trong năm	-	61.611.161	115.885.421	177.496.582
Thanh lý, nhượng bán	(143.831.818)	-	-	(143.831.818)
Tại ngày 31/12/2016	95.356.876	1.461.964.615	500.572.398	2.057.893.889
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2016	23.320.869.529	1.414.489.572	206.527.779	25.031.720.213
Tại ngày 31/12/2016	5.504.608.124	1.352.878.412	215.475.690	7.072.962.226

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 4.228.865.635 VND – Xem thêm mục 5.17;

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 56.048.088 VND.

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.11. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Chi phí thay thế, lắp đặt đồng hồ điện từ	18.812.954.160	12.948.548.060
Chi phí trả trước dài hạn khác	27.164.983.150	7.342.588.000
Cộng	45.977.937.310	20.291.136.060

5.12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.961.720.845	3.981.060.670
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	592.344.169	796.212.134

5.13. Phải trả người bán

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:				
Phải trả cho người bán Công ty TNHH Thương mại N.T.P	2.561.994.600	2.561.994.600	3.269.904.000	3.269.904.000
Phải trả cho các đối tượng khác	10.198.815.975	10.198.815.975	14.370.089.592	14.370.089.592
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 9	10.756.312.943	10.756.312.943	7.358.883.652	7.358.883.652
Cộng	23.517.123.518	23.517.123.518	24.998.877.244	24.998.877.244

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Dài hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước	11.232.471.896	11.232.471.896	-	-
Nhà thầu Kumho Industrial	6.284.403.412	6.284.403.412	-	-
Cộng	17.516.875.308	17.516.875.308	-	-

(Xem tiếp trang sau)

1
G
T
S
T
S

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.14. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2016		Số phát sinh trong năm		Tại ngày 31/12/2016	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải thu	Phải nộp
	VND		VND		VND	
Thuế giá trị gia tăng	-	1.060.605.619	665.945.657	1.544.428.336	-	182.122.940
Thuế thu nhập doanh nghiệp	515.184.460	15.722.187.652	17.342.480.005	26.912.994.759	364.137.856	6.000.626.294
Thuế thu nhập cá nhân	-	526.023.690	3.227.246.467	3.161.544.307	-	591.725.850
Thuế tài nguyên	-	444.725.212	6.448.626.657	6.289.825.327	-	603.526.542
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	2.233.030.300	2.233.030.300	-	-
Các loại thuế khác	-	-	11.000.000	11.000.000	-	-
Các khoản phí, lệ phí	-	2.232.571.404	28.376.049.821	28.265.758.597	-	2.342.862.628
Cộng	515.184.460	19.986.113.577	58.304.378.907	68.418.581.626	364.137.856	9.720.864.254

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.15. Chi phí phải trả

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Chi phí lãi vay phải trả	10.006.032.949	5.575.921.611
Chi phí phải trả khác	598.734.389	2.324.171.818
Cộng	10.604.767.338	7.900.093.429

5.16. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Ngắn hạn:		
Tiền nước chưa quyết toán	15.920.420.314	9.689.354.914
Phí bảo vệ môi trường	2.222.811.151	2.147.370.687
Kinh phí công đoàn	1.613.742.896	1.614.060.660
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.484.906.580	2.734.815.591
Cộng	22.241.880.941	16.185.601.852
Dài hạn:		
Phải trả nhà thầu Kumho – dự án Thiện Tân giai đoạn 2	83.060.626.695	166.993.578.976
Phải trả ngân sách về tiền hỗ trợ cho các dự án xây dựng tài sản cố định.	37.661.623.300	37.661.623.300
Lợi nhuận chuyển về công ty mẹ còn phải trả - Xem thêm mục 9	8.641.828.689	8.641.828.689
Phải trả nhà thầu Dohwa – dự án Thiện Tân giai đoạn 2	2.201.215.415	11.672.106.399
Phải trả dự án di dời trạm nước thô Biên Hòa	1.905.000.000	1.905.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.111.974.220	1.254.116.020
Cộng	139.582.268.319	228.128.253.384

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.17. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2016		Trong năm		Tại ngày 01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	389.212.090.397	389.212.090.397	506.125.556.946	493.680.937.146	376.767.470.597	376.767.470.597
Vay dài hạn	1.437.287.154.770	1.437.287.154.770	523.076.041.657	321.034.929.955	1.235.246.043.068	1.235.246.043.068
Tổng cộng	1.826.499.245.167	1.826.499.245.167	1.029.201.598.603	814.715.867.101	1.612.013.513.665	1.612.013.513.665

Các khoản vay được chi tiết như sau:

Vay ngắn hạn	Loại tiền	Lãi suất	Tại ngày		
			31/12/2016	31/12/2015	
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	VND	5,3%/năm – 5,5%/năm	110.954.808.691	116.079.835.492 (a)	
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	VND	6,0%/năm – 6,8%/năm	19.878.800.283	9.276.694.908 (b)	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	5,3%/năm – 5,4%/năm	95.240.206.237	83.925.128.339 (c)	
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VND	5,5%/năm	3.270.081.981	21.666.949.944 (d)	
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>					
Ngân hàng TMCP Công Thương	VND	7,5%/năm – 8,5%/năm	43.793.690.420	45.823.792.600 (e)	
Quý Đầu Tư Phát Triển Đồng Nai	VND	7,0%/năm – 8,4%/năm	16.218.042.000	13.634.000.000 (f)	
Ngân hàng TMCP Á Châu	VND	7,7%/năm – 8,5%/năm	4.955.600.000	-	
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	JPY, KRW	0,95%/năm – 3,53%/năm	88.936.694.117	85.782.485.980 (g)	
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	VND	6,2%/năm – 6,53%/năm	1.157.166.668	578.583.334 (h)	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	7,5%/năm	4.807.000.000	- (i)	
Cộng			389.212.090.397	376.767.470.597	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	Loại tiền	Lãi suất	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
<i>Khoản vay dài hạn</i>				
Ngân hàng TMCP Công Thương	VND	7,5%/năm – 8,5%/năm	160.937.791.448	182.406.482.792 (e)
Quý Đầu Tư Phát Triển Đồng Nai	VND	7,0%/năm – 8,4%/năm	37.078.211.566	41.766.733.566 (f)
Ngân hàng TMCP Á Châu	VND	7,7%/năm – 8,5%/năm	19.808.383.244	7.852.046.647 (j)
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	JPY, KRW	0,95%/năm – 3,53%/năm	1.167.212.699.607	988.037.929.653 (g)
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	VND	6,2%/năm – 6,53%/năm	5.207.249.998	6.364.416.666 (h)
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	7,5%/năm	47.042.818.907	8.818.433.744 (i)
Cộng			1.437.287.154.770	1.235.246.043.068

Thông tin về tài sản cầm cố, thế chấp đảm bảo cho các khoản vay như sau:

(a) và (e) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Một phần Nhà máy nước Thiện Tân theo Hợp đồng thế chấp số 11.52.11/HĐTC-CN-TT1 ngày 10/07/2011;
- Hệ thống cấp nước Thạnh Phú. Hợp đồng thế chấp số 11.52.11/HĐTC-CN-TP ngày 10/07/2011;
- QSD đất tại P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai theo GCN QSD đất số 0934404; Quyền sở hữu nhà ở và QSD đất ở tại P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai theo GCN QSH nhà ở và QSD đất ở số 747312604100101;
- Một phần nhà máy nước Nhơn Trạch Giai đoạn 2 hình thành trong tương lai.

(f) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Tuyến ống cấp nước công suất 3.100 m³/ngày đêm tại khu phố 3,4 phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa;
- Toàn bộ tài sản thuộc dự án đầu tư thiết bị máy bơm ly tâm trục đứng Q = 1.000m³/h cho trạm bơm nước thô Xi nghiệp nước Biên Hòa;
- Tuyến ống chuyển tải cấp nước công suất 6.800m³/ngày đêm cho Khu dân cư Khu phố 9, 11, Phường Tân Phong, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai;
- 02 máy bơm dự phòng cho Xi nghiệp nước Thiện Tân;
- 09 máy bơm cho Xi nghiệp nước Biên Hoà, Vĩnh An, Xuân Lộc;
- Nhà làm việc Xi nghiệp nước Xuân Lộc tại Thị trấn Gia Ray, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai;
- Hệ thống cấp nước thị trấn Định Quán và hệ thống cấp nước Phường Tân Biên, TP Biên Hoà.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(j) Khoản vay được đảm bảo bằng dự án công trình hệ thống cấp nước Phường Tân Phong, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, công suất 7.000m³/ngày, thuộc loại công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình cấp III.

(g) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Tài sản hình thành trong tương lai của dự án Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch;
- Tài sản hình thành trong tương lai của dự án Hệ thống cấp nước Thiện Tân Giai đoạn 2.

(b), (c), (d), (h) và (i) là các khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình đảm bảo cho các khoản vay lần lượt là 2.095.725.303.459 VND và 4.228.865.635 VND - Xem thêm mục 5.9 và 5.10.

(Xem trang tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.18. Vốn chủ sở hữu

5.18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu									
	Vốn góp của chủ sở hữu VND'000	Thặng dư vốn cổ phần VND'000	Vốn khác của chủ sở hữu VND'000	Quý đầu tư phát triển VND'000	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND'000	Chênh lệch tỷ giá VND'000	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND'000	Lợi ích có đồng không kiểm soát VND'000	Cộng VND'000	
Tại ngày 01/01/2015	1.000.000.000	18.240.479	-	34.423.416	(64.235.766)	-	129.748.298	92.307.661	1.210.484.088	
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	120.338.472	18.427.317	138.765.789	
Trích lập quỹ trong năm trước	-	-	-	1.606.594	-	-	(1.606.594)	-	-	
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(1.417.531)	(1.302.499)	(2.720.030)	
Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	-	-	-	(662.385)	(600.744)	(1.263.129)	
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(7.170.000)	(7.170.000)	
Chuyển lợi nhuận về công ty mẹ	-	-	-	-	-	-	(8.641.829)	-	(8.641.829)	
Tặng/Giảm khác	-	(118)	-	-	-	179.486	46.845	(1.742)	224.472	
Tại ngày 01/01/2016	1.000.000.000	18.240.361	-	36.030.010	(64.235.766)	179.486	237.805.277	101.659.993	1.329.679.361	
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	60.527.726	12.233.788	72.761.513	
Tặng vốn trong năm	-	-	13.109.347	(13.109.347)	-	-	-	-	-	
Trích lập quỹ trong năm	-	-	-	12.181.922	-	-	(12.181.922)	-	-	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(9.903.531)	(2.389.909)	(12.293.440)	
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	-	-	-	(519.608)	(471.303)	(990.911)	
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(50.000.000)	(8.604.392)	(58.604.392)	
Tặng/Giảm khác	-	524.360	-	-	-	(179.486)	(524.360)	-	(179.486)	
Tại ngày 31/12/2016	1.000.000.000	18.764.721	13.109.347	35.102.585	(64.235.766)	-	225.203.582	102.428.176	1.330.372.645	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.18.2. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành:	100.000.000	100.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần

5.18.3. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận hợp nhất sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60.527.725.857	120.338.472.147
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(6.355.411.215)	(9.903.531.340)
Lợi nhuận (lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	54.172.314.642	110.434.940.807
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	100.000.000	100.000.000
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	542	1.104

5.19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
Ngoại tệ các loại:		
USD	5.454,00	5.467,20

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu cung cấp nước	713.099.880.947	650.164.064.275
Doanh thu cung cấp dịch vụ lắp đặt	52.513.210.238	55.660.580.616
Doanh thu đối với các bên liên quan – Xem thêm mục 9	130.397.365.500	124.868.865.426
Tổng cộng	896.010.456.685	830.693.510.317

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn cung cấp nước	515.460.668.101	490.481.824.719
Giá vốn của dịch vụ lắp đặt	59.945.220.662	46.354.375.468
Cộng	575.405.888.763	536.836.200.187

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.762.026.876	4.802.703.915
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.422.316.975	1.847.666.749
Cổ tức, lợi nhuận được chia	197.422.500	197.455.500
Lãi bán các khoản đầu tư	-	501.032.340
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	44.795.445.421
Doanh thu hoạt động tài chính khác	530.000.000	-
Cộng	10.911.766.351	52.144.303.925

6.4. Chi phí tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền vay	53.911.494.700	52.299.685.334
Lỗ chênh lệch tỷ giá	11.501.549.127	906.895.245
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	42.446.181.198	-
Các khoản chi phí tài chính khác	-	530.000.000
Cộng	107.859.225.025	53.736.580.579

6.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí vật liệu, bao bì	29.922.413.992	25.386.948.219
Chi phí nhân viên	18.669.653.315	18.250.018.654
Các khoản chi phí bán hàng khác	39.156.066.166	23.269.418.203
Cộng	87.748.133.473	66.906.385.076

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên	31.904.193.723	30.927.816.319
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.718.041.824	2.287.818.299
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	15.620.514.523	17.428.130.038
Cộng	50.242.750.070	50.643.764.656

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6.7. Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	95.877.850.637	86.586.922.420
Chi phí nhân công	173.988.013.390	170.839.332.029
Chi phí khấu hao tài sản cố định	182.316.229.292	176.554.887.657
Chi phí dịch vụ mua ngoài	70.877.692.083	121.883.984.754
Chi phí khác bằng tiền	171.919.044.969	98.293.577.340
Cộng	694.978.830.371	654.158.704.200

6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	10.843.633.757	27.364.710.150
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	4.851.046.604	9.434.816.087
Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	1.647.799.644	1.585.401.142
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	17.342.480.005	38.384.927.379

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

7.1. Các khoản đi vay thực thu trong kỳ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	811.100.491.909	952.458.217.641

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	652.585.311.740	504.127.330.877

8. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm công ty là: Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch và cung cấp dịch vụ lắp đặt hệ thống chuyên ngành nước. Ngoài ra, Nhóm công ty không hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh nào khác. Do đó, Nhóm công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, vì các báo cáo tài chính hợp nhất đã trình bày đầy đủ các thông tin theo lĩnh vực kinh doanh.

Theo khu vực địa lý

Nhóm Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Nhóm Công ty hoàn toàn tại tỉnh Đồng Nai nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải trả khác - Xem thêm mục 5.16 Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp	(8.641.828.689)	(8.641.828.689)
Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:		
	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Cung cấp nước và dịch vụ lắp đặt – Xem thêm mục 6.1 Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai Các công ty cùng tập đoàn	5.391.406.293 125.005.959.207	667.675.782 124.201.189.644
Cộng	130.397.365.500	124.868.865.426
	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Mua hàng: Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai Các công ty cùng tập đoàn	90.110.304.242 23.838.842.497	80.055.429.648 108.300.000
Cộng	113.949.146.739	80.163.729.648
	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chuyển nhượng tài sản Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	45.252.314.595	-
Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Giám đốc của Công ty và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:		
	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thù lao và thu nhập	4.631.823.000	4.107.989.287
10. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT		
	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát của Công ty	598.914.000	462.926.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

11. SỐ LIỆU SO SÁNH

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Trích):

	Năm 2015 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2015 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	1.104	1.118

Việc báo cáo lại thông tin so sánh nêu trên là do căn cứ vào số quỹ khen thưởng, phúc lợi thực tế được trích cho năm tài chính 2015.

12. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Phan Hùng
Giám đốc
Đồng Nai, ngày 29 tháng 3 năm 2017

Nguyễn Thu Oanh
Kê toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Tâm
Người lập



CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



GIÁM ĐỐC

Phan Hùng



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: (061) 384 3316

Fax: (061) 384 7149

Website: www.dowaco.vn